



CỤC HÀNG KHÔNG VIỆT NAM
THANH TRA HÀNG KHÔNG VIỆT NAM

Số: 179/KL-TTHK



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2026

KẾT LUẬN THANH TRA

Về thanh tra việc chấp hành các quy định đối với các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại các Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cam Ranh

Thực hiện Quyết định thanh tra số 05/QĐ-TTHK ngày 18/5/2026 của Chánh Thanh tra Hàng không Việt Nam (HKVN) về việc thanh tra việc chấp hành các quy định đối với các hãng hàng không nước ngoài¹ hoạt động tại các Cảng Hàng không quốc tế Đà Nẵng, Cam Ranh từ ngày 01/6/2026 đến ngày 30/6/2026, Đoàn thanh tra theo Quyết định số 05/QĐ-TTHK ngày 18/5/2026 của Chánh Thanh tra HKVN đã tiến hành thanh tra tại các hãng hàng không nước ngoài².

Xét Báo cáo kết quả thanh tra³ của Trưởng Đoàn Thanh tra, Chánh Thanh tra HKVN kết luận thanh tra như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh khai thác vận chuyển hàng không thường lệ, không thường lệ trên các tuyến đường bay đi, đến Việt Nam, được nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, Cục Hàng không Việt Nam (HKVN) thừa nhận tính hợp lệ của Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay do nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp và phê chuẩn năng định khai thác cho người khai thác tàu bay nước ngoài.

Cục HKVN thực hiện công tác quản lý nhà nước về đảm bảo an toàn khai thác, vận chuyển hàng không trong hoạt động hàng không dân dụng của các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Việt Nam. Cảng vụ Hàng không miền Trung (HKMT) thực hiện kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn khai thác, vận chuyển hàng không của các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Khai thác tàu bay

1.1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay, Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay

Cục HKVN cấp, gia hạn Giấy chứng nhận người khai thác tàu bay, phê chuẩn năng định khai thác cho người khai thác tàu bay nước ngoài (FAOC).

¹ Các Hãng hàng không: Batik Air Malaysia (OD); Hongkong Airlines (HX); Aero K Airlines (RF); Air Premia, INC (YP); Cebu Pacific Air (5J); Tigerair Taiwan (IT); Jin Air (LJ); Jeju Air (7C); Air Seoul (RS); Eastar Jet (ZE); Azur Air (ZF); Air Busan (BX); Air Astana (KC); Tway Air (TW).

² Các hãng hàng không: OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW.

³ Báo cáo kết quả thanh tra số 47/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 48/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 49/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 50/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 51/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 52/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 53/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 54/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 55/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 56/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 57/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 58/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 59/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026, 60/BC-ĐTT05 ngày 16/7/2026.



Kiểm tra hồ sơ tàu bay⁴: các tàu bay có đầy đủ Giấy chứng nhận đăng ký quốc tịch tàu bay do nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp, Giấy chứng nhận đủ điều kiện bay của tàu bay mang quốc tịch nước ngoài được Cục HKVN công nhận, Giấy phép vô tuyến lắp trên tàu bay, Tài liệu MEL.

Các hãng hàng không lưu trữ các tài liệu kèm theo Đơn đề nghị cấp phê chuẩn năng định khai thác theo quy định tại khoản c Điều 22.165 Bộ quy chế an toàn hàng không lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay (VAR); ký hợp đồng bảo dưỡng với các tổ chức bảo dưỡng tàu bay⁵ được nhà chức trách hàng không nước sở tại phê chuẩn/công nhận hoặc tự thực hiện bảo dưỡng⁶.

1.2. Tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO được áp dụng đối với người khai thác tàu bay nước ngoài tại Việt Nam, các thông báo cần thiết (thông báo được áp dụng đối với Người khai thác nước ngoài tại Việt Nam), các tài liệu mang theo tàu bay, lưu trữ hồ sơ người khai thác tàu bay

Các hãng hàng không tuân thủ các tiêu chuẩn và khuyến cáo thực hành của ICAO được áp dụng đối với người khai thác tàu bay nước ngoài tại Việt Nam - Các tiêu chuẩn đăng ký tàu bay quốc tế⁷; không có khác biệt về khai thác so với tiêu chuẩn ICAO trong hoạt động khai thác tàu bay tại Việt Nam.

Cục HKVN phê chuẩn thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm kèm theo năng định khai thác cho các hãng hàng không HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, TW⁸.

⁴ ZE: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8374, HL8375, HL8507, HL8545, HL8546, HL8541, HL8542, HL8543, HL8544, HL8599.

BX: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8526, HL8504, HL8396, HL8395, HL8394, HL8365, HL8366, HL8257, HL8256, HL8055.

RS: 06 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL7212, HL7789, HL7790, HL8255, HL8073, HL8072.

ZF: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay RA-73079, RA-73078, RA-73076, RA-73075, RA-73074, RA-73072, RA-73034, RA-73032, RA-73030, RA-73029.

TW: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8000, HL8030, HL8047, HL8056, HL8067, HL8501, HL8502, HL8500, HL8513, HL8514.

KC: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay EI-KDA, EI-KDB, EI-KDI, EI-KDC, EI-KDD, EI-KDE, EI-KDF, EI-KDG, EI-KDJ, EIKGA.

5J: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay RP-C3901, RP-C3902, RP-C3903, RP-C3904, RP-C3905, RP-C4100, RP-C4101, RP-C4102, RP-C4103, RP-C4104.

OD: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay 9M-LDK, 9M-LDC, 9M-LDF, 9M-LCK, 9M-LNC, 9M-LDH, 9M-LNQ, 9M-LDT, 9M-LDP, 9M-LNY.

IT: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay B-50001; B-50005; B-50006; B-50008; B-50011; B-50015; B-50016; B-50017; B-50018; B-50021.

7C: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8316, HL8317, HL8318, HL8322, HL8331, HL8333, HL8334, HL8335, HL8523, HL8524.

RF: 09 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8385, HL8386, HL8540, HL8562, HL8563, HL8595, HL8596, HL8743, HL8744.

YP: 09 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL8387, HL8388, HL8517, HL8516, HL8389, HL8701, HL8702, HL8703, HL8704.

HX: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay B-LPC, B-LPD, B-LPE, B-LPI, B-LPJ, B-LNO, B-LNP, B-LHR, B-LHI, B-LHJ.

LJ: 10 tàu bay có số đăng ký quốc tịch tàu bay HL7560, HL756, HL7562, HL7757, HL7786, HL8012, HL8013, HL7724, HL7750, HL8569.

⁵ Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy Bay (VAECO): HX, RF, IT, LJ, 7C, RS, ZE, BX, TW. Công ty TNHH Dịch vụ bảo dưỡng máy bay cảng hàng không miền Nam (SAAM): 5J, OD, YP.

⁶ ZF, KC tự thực hiện bảo dưỡng tàu bay.

⁷ Các tiêu chuẩn đủ điều kiện bay quốc tế; Các tiêu chuẩn quốc tế về tiếng ồn và môi trường; Tiêu chuẩn quốc tế về giấy phép nhân viên hàng không; Các tiêu chuẩn quốc tế về an ninh; Các tiêu chuẩn quốc tế về hàng nguy hiểm; Các tiêu chuẩn quốc tế về quy tắc bay; Các tiêu chuẩn quốc tế về vận chuyển hàng không thương mại; Không vận chuyển nội địa.

⁸ Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không vận chuyển hàng nguy hiểm trên các chuyến bay đến và đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

Kiểm tra các giấy tờ mang theo trên tàu bay⁹: các thành viên tổ lái, tiếp viên hàng không có đủ các giấy phép do nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp, được đem theo người trong quá trình thực hiện nhiệm vụ¹⁰ theo quy định tại khoản b Điều 22.135 VAR; các tài liệu mang theo tàu bay đầy đủ theo quy định tại khoản a Điều 22.135 VAR; các tài liệu bổ sung áp dụng cho các chuyến bay quốc tế cần thiết được để trên tàu bay đầy đủ theo quy định tại Điều 22.140 VAR; các yêu cầu đối với tài liệu bổ sung vận tải hàng không thương mại tương đối đầy đủ theo quy định tại Điều 22.145 VAR. Một số tài liệu không lưu trữ dạng bản in, được lưu trữ dưới dạng điện tử trong EFB trên Ipad của tổ lái¹¹.

Kiểm tra hồ sơ chuyến bay¹² lưu giữ tại Văn phòng làm việc của các hãng hàng không tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh hoặc do các hãng hàng không cung cấp¹³ tương đối đầy đủ theo quy định tại khoản a Điều 22.150 VAR¹⁴. OD, HX, RF, YP, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, TW lưu trữ tại Văn phòng làm việc của các hãng tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh. 5J, IT, KC không trực tiếp lưu trữ tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, việc lưu trữ tài liệu do các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không thực hiện.

Tồn tại:

- RS lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay¹⁵: thiếu “Các trang nhật ký kỹ thuật tàu bay chứa đựng các xác nhận hoàn thành bảo dưỡng áp dụng cho chuyến bay đi” theo quy định tại khoản a Điều 22.150 VAR; Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ¹⁶ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- TW¹⁷, RF¹⁸, YP¹⁹, HX²⁰, LJ²¹ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ²² theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

⁹ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX788 ngày 02/6/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁰ Giấy phép nhân viên hàng không; Giấy chứng nhận sức khỏe; Xác nhận khả năng thông thạo vô tuyến.

¹¹ FAOC kèm theo phê chuẩn năng định khai thác do Cục HKVN cấp; Các quy trình và tín hiệu liên quan đến tình trạng bay chặn của tàu bay; Hướng dẫn xác định vị trí có mức độ nguy hiểm tối thiểu trong trường hợp tìm thấy bom...

¹² ZE: 05 chuyến bay; BX: 05 chuyến bay; RS: 05 chuyến bay; ZF: 05 chuyến bay; TW: 05 chuyến bay; KC: 05 chuyến bay; 5J: 05 chuyến bay; OD: 05 chuyến bay; IT: 05 chuyến bay; 7C: 05 chuyến bay; YP: 05 chuyến bay; RF: 05 chuyến bay; HX: 05 chuyến bay; LJ: 05 chuyến bay.

¹³ HX không có văn phòng làm việc tại Cảng HKQT Đà Nẵng.

¹⁴ Hồ sơ bao gồm: bản sao của các tài liệu (lưu trữ dưới dạng tài liệu điện tử): Danh sách hành khách; Bản kê khai tải trọng cụ thể của tàu bay chứng tỏ sự tuân thủ với các yêu cầu đối với cân bằng trọng tâm, trọng tải và tính năng hoạt động; Các trang nhật ký kỹ thuật tàu bay chứa đựng các xác nhận hoàn thành bảo dưỡng áp dụng cho chuyến bay đi, Kế hoạch bay (Operational flight plan).

¹⁵ 05 chuyến bay: RS528 ngày 27/5/2026; RS528 ngày 28/5/2026; RS528 ngày 29/5/2026; RS528 ngày 30/5/2026; RS528 ngày 31/5/2026.

¹⁶ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

¹⁷ 05 chuyến bay: TW034 ngày 17/11/2025; TW034 ngày 08/01/2026; TW034 ngày 03/4/2026; TW042 ngày 14/5/2026; TW046 ngày 03/01/2026.

¹⁸ 05 chuyến bay: RF532 ngày 03/6/2026, RF532 ngày 06/6/2026, RF532 ngày 17/6/2026, RF532 ngày 13/6/2026, RF532 ngày 20/6/2026.

¹⁹ 05 chuyến bay: YP622 ngày 16/5/2026, YP622 ngày 17/5/2026, YP622 ngày 21/5/2026, YP622 ngày 28/5/2026, YP622 ngày 31/5/2026.

²⁰ 05 chuyến bay HX549 ngày 03/4/2026, HX549 ngày 08/5/2026, HX549 ngày 19/5/2026, HX549 ngày 20/4/2026, HX547 ngày 11/4/2026.

²¹ 05 chuyến bay: LJ082 ngày 03/5/2026, LJ082 ngày 29/5/2026, LJ082 ngày 19/6/2026, LJ082 ngày 25/3/2026, LJ082 ngày 11/3/2026.

²² Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không RS, TW, RF, YP, HX, LJ; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên đại diện Cảng vụ Hàng không tại Cảng HKQT Cam Ranh (CVHK-CXR) trong việc kiểm tra, giám sát.

1.3. Bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng

Các tàu bay của hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam được nhà chức trách hàng không nước sở tại cấp Giấy chứng nhận tiếng ồn (Noise Certificate) đầy đủ.

Động cơ tàu bay của hãng hàng không nước ngoài khai thác tại Việt Nam có Giấy chứng nhận loại tàu bay được Cục HKVN công nhận.

ZE, RS, ZF ký hợp đồng với Công ty TNHH Dịch vụ Mặt đất Hàng không (AGS); KC, BX, TW ký hợp đồng với Công ty cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Cam Ranh (SAGS-CXR); RF, HX, OD, LJ, YP ký hợp đồng với Công ty Cổ phần Phục vụ mặt đất Sài Gòn – Chi nhánh Đà Nẵng (SAGS-DAD); 5J, IT, 7C ký hợp đồng với Công ty TNHH MTV dịch vụ mặt đất sân bay Việt Nam (VIAGS) thực hiện việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay.

Các hãng hàng không nước ngoài không sử dụng hóa chất diệt côn trùng trong quá trình vệ sinh tàu bay tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

Kiểm tra việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay đối với các chuyến bay²³: việc thu gom, phân loại chất thải từ tàu bay do nhân viên của AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS thực hiện theo quy định của các đơn vị.

Các hãng hàng không nước ngoài gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay năm 2025 cho Cảng vụ HKMT theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 16 Thông tư số 52/2022/TT-BGTVT; lưu trữ hồ sơ công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 17 Thông tư số 52/2022/TT-BGTVT.

1.4. Chấp hành các quy định về quản lý hoạt động bay

- Các hãng hàng không khai thác các chuyến bay thường lệ²⁴, không thường lệ²⁵ đến và đi tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, được Cục HKVN cấp phép bay theo kế hoạch bay mùa, kế hoạch bay theo từng chuyến bay. Nội dung phép bay tuân thủ theo quy định tại Điều 17 Chương 3 Nghị định số 125/2015/NĐ-CP.

Kiểm tra việc thực hiện phép bay đối với các chuyến bay²⁶: Các hãng hàng không nước ngoài thực hiện chuyến bay đúng với nội dung phép bay do Cục HKVN cấp.

- Trong thời kỳ thanh tra, các tàu bay và tổ bay tuân thủ các quy định về quản lý hoạt động bay khi hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam²⁷.

²³ Các chuyến bay ZE561 ngày 01/6/2026, BX787 ngày 02/6/2026, RS527 ngày 04/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW033 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5756 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT581 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF531 ngày 24/6/2026, YP5622 ngày 25/6/2026, HX548 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

²⁴ OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, BX, KC, TW.

²⁵ ZF.

²⁶ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX788 ngày 02/6/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

²⁷ Tuân thủ đúng hành trình, đường hàng không, khu vực bay, điểm vào, điểm ra được phép; duy trì liên lạc liên tục với các cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; tuân thủ sự điều hành, kiểm soát và hướng dẫn của cơ sở cung cấp dịch vụ không lưu; tuân thủ phương thức bay, Quy chế không lưu hàng không dân dụng.

- Lập, nộp, thực hiện kế hoạch bay không lưu; Quy trình lập hồ sơ bay, tiếp nhận bản thông báo tin tức trước chuyến bay (PIB), NOTAM, bản tin khí tượng hàng không trước chuyến bay.

+ ZE, RS thực hiện việc lập kế hoạch bay không lưu (FPL) từ xa. AGS thực hiện việc cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay cho các chuyến bay của ZE, RS²⁸. FPL các chuyến bay do nhân viên của hãng tại nước sở tại lập, sau đó gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của AGS. Nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay thực hiện việc nộp FPL cho Phòng Thủ tục bay Cảng HKQT Cam Ranh²⁹. Nhân viên điều phái bay của các hãng tại nước sở tại chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ các chuyến bay³⁰. Hồ sơ chuyến bay được gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của AGS và cập nhật cung cấp cho tổ lái các chuyến bay trên thiết bị điện tử EFB/Ipad của phi công. Trước chuyến bay, tổ lái nhận hồ sơ bay từ thiết bị điện tử EFB/Ipad và trực tiếp từ nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay.

+ BX, KC, TW thực hiện việc lập kế hoạch bay không lưu (FPL) từ xa. SAGS-CXR thực hiện việc cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay cho các chuyến bay của BX, KC, TW³¹. FPL các chuyến bay do nhân viên của hãng tại nước sở tại lập, sau đó gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của SAGS-CXR. Nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay thực hiện việc nộp FPL cho Phòng Thủ tục bay Cảng HKQT Cam Ranh³². Nhân viên điều phái bay của các hãng tại nước sở tại chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ các chuyến bay. Hồ sơ chuyến bay được gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của SAGS-CXR và cập nhật cung cấp cho tổ lái các chuyến bay trên thiết bị điện tử EFB/Ipad của phi công. Trước chuyến bay, tổ lái nhận hồ sơ bay từ thiết bị điện tử EFB/Ipad và trực tiếp từ nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay.

+ ZF: Kế hoạch bay không lưu FPL các chuyến bay do người chỉ huy tàu bay nộp trực tiếp tại Phòng Thủ tục bay, Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh. Người chỉ huy tàu bay nhận hồ sơ chuyến bay từ Trung tâm Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh.

+ RF, HX, OD, LJ, YP thực hiện việc lập kế hoạch bay không lưu (FPL) từ xa. SAGS-DAD thực hiện việc cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay cho các chuyến bay của RF, HX, OD, LJ, YP³³. FPL các chuyến bay do nhân viên của hãng tại nước sở tại lập, sau đó gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của SAGS-DAD. Nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay thực hiện việc nộp FPL cho Phòng Thủ tục bay Cảng HKQT Đà Nẵng. Nhân viên điều phái bay của các hãng tại nước sở tại chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ các chuyến bay. Hồ sơ chuyến bay được gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của SAGS-DAD và cập nhật cung cấp cho tổ lái các chuyến bay trên thiết bị điện tử EFB/Ipad của phi công. Trước chuyến bay, tổ lái nhận hồ sơ bay từ thiết bị điện tử EFB/Ipad và trực tiếp từ nhân viên trợ giúp thủ tục kế hoạch bay.

+ 5J, IT, 7C thực hiện việc lập kế hoạch bay không lưu (FPL) từ xa. VIAGS thực hiện việc cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay cho các chuyến bay của 5J, IT, 7C³⁴. FPL các chuyến bay do nhân viên của các hãng tại nước sở tại lập, sau đó gửi cho bộ phận trợ giúp thủ tục bay (Trung tâm kiểm soát tải) của VIAGS. Nhân viên điều phái

²⁸ ZE, RS ký Văn bản phối hợp thực hiện phương thức làm thủ tục bay với AGS.

²⁹ AGS được Cục HKVN chấp thuận phương thức tạm thời làm thủ tục bay từ xa theo văn bản số 132/CHK-QLHĐB ngày 07/03/2025.

³⁰ NOTAM, bản thông báo trước chuyến bay (PIB), hồ sơ khí tượng của chuyến bay.

³¹ KC, BX, TW ký Văn bản phối hợp thực hiện phương thức làm thủ tục bay với SAGS-CXR.

³² SAGS được Cục HKVN chấp thuận phương thức tạm thời làm thủ tục bay từ xa theo văn bản số 3979/CHK-QLHĐB ngày 07/08/2024.

³³ RF, HX, OD, LJ, YP ký Văn bản phối hợp thực hiện phương thức làm thủ tục bay với SAGS-DAD.

³⁴ 5J, IT, 7C ký hợp đồng với VIAGS cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay.

bay thực hiện việc nộp FPL cho Phòng Thủ tục bay Cảng HKQT Đà Nẵng³⁵. Nhân viên điều phái bay của các hãng tại nước sở tại chịu trách nhiệm chuẩn bị hồ sơ các chuyến bay. Hồ sơ chuyến bay được gửi cho Bộ phận trợ giúp thủ tục bay của VIAGS và cập nhật cung cấp cho tổ lái các chuyến bay trên thiết bị điện tử EFB/Ipad của phi công. Trước chuyến bay, tổ lái nhận hồ sơ bay từ thiết bị điện tử EFB/Ipad và trực tiếp từ nhân viên điều phái bay.

Kiểm tra việc cung cấp hồ sơ bay đối với tổ lái chuyến bay³⁶: Tổ lái các chuyến bay của các hãng hàng không thực hiện tiếp nhận đầy đủ các bản tin PIB, bản tin khí tượng để phục vụ chuyến bay theo quy định tại Điều 75³⁷, Điều 77³⁸ Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT, các bản tin khí tượng theo quy định tại khoản 2, khoản 3³⁹, khoản 6 Điều 132 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT.

Kiểm tra hồ sơ chuyến bay⁴⁰ được lưu giữ tại Văn phòng làm việc của các hãng hàng không tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh hoặc do HX⁴¹ cung cấp: FPL, hồ sơ chuyến bay được lưu trữ đầy đủ.

- Các hãng hàng không nước ngoài có hợp đồng/thỏa thuận mua các ấn phẩm hàng không AIS từ Việt Nam, hoặc có hợp đồng với AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS cung cấp dịch vụ trợ giúp thủ tục bay để khai thác cập nhật thông tin từ Tập thông báo tin tức hàng không (AIP).

- Kiểm tra (hình thức Phiếu phỏng vấn) đối với thành viên tổ lái các chuyến bay⁴² về Quy tắc bay không lưu, ý nghĩa của các tín hiệu cho hoạt động tại sân, tín hiệu sử dụng trong trường hợp bay chặn⁴³: về cơ bản tổ lái các chuyến bay hiểu và nắm được ý nghĩa của các tín hiệu cho hoạt động tại sân, tín hiệu sử dụng trong trường hợp bay chặn khi được sử dụng tài liệu điện tử EFB/Ipad để tra cứu thông tin.

- Từ ngày 01/5/2026 đến thời điểm thanh tra các hãng hàng không không có trường hợp chuyến bay bị hoãn khởi hành quá 03 giờ so với giờ dự định khởi hành.

- Từ ngày 01/3/2026 đến thời điểm thanh tra: ZE, RS, KC (không có chuyến bay), BX (01 chuyến bay), ZF (01 chuyến bay), TW (10 chuyến bay), 5J (04 chuyến bay), OD (02 chuyến bay), IT (03 chuyến bay), 7C (03 chuyến bay), RF (01 chuyến bay), YP (01 chuyến bay), HX (15 chuyến bay), LJ (01 chuyến bay) trường hợp chuyến bay đã nộp kế hoạch bay nhưng bị trễ quá 30 phút so với giờ dự định khởi hành.

³⁵ VIAGS được Cục HKVN chấp thuận phương thức tạm thời làm thủ tục bay từ xa theo văn bản số 132/CHK-QLHĐB ngày 07/03/2025.

³⁶ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX788 ngày 02/6/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

³⁷ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 22 Điều 1 của Thông tư số 32/2021/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT.

³⁸ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 24 Điều 1 của Thông tư số 32/2021/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT.

³⁹ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 40 Điều 1 của Thông tư số 32/2021/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT.

⁴⁰ ZE: 02 chuyến bay; BX: 02 chuyến bay; RS: 0 chuyến bay; ZF: 02 chuyến bay; TW: 02 chuyến bay; KC: 02 chuyến bay; 5J: 02 chuyến bay; OD: 02 chuyến bay; IT: 02 chuyến bay; RF: 02 chuyến bay; YP: 02 chuyến bay; LJ: 02 chuyến bay; 7C: 02 chuyến bay; HX: 02 chuyến bay.

⁴¹ HX không có văn phòng làm việc tại Cảng HKQT Đà Nẵng.

⁴² Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX788 ngày 02/6/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

⁴³ Tín hiệu đèn và pháo hiệu, các bảng hiệu đặt ở mặt đất, Quy tắc bay không lưu quy định tại phần IV Phụ lục 2 Thông tư 19/TT-BGTVT, tín hiệu sử dụng trong trường hợp bay chặn (Quy tắc bay không lưu quy định tại phần II Phụ lục 2 Thông tư 19/TT-BGTVT).

Các hãng hàng không BX, ZF, TW, 5J, OD, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ đã gửi lại FPL của các chuyến bay bị trễ cho Trung tâm ARO/AIS Đà Nẵng, Cam Ranh thực hiện việc phát điện văn trì hoãn (delay) đầy đủ.

1.5. Khai thác tàu bay tại cảng hàng không, sân bay

- Thực hiện Nghị định số 85/2019/NĐ-CP, các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận chuyển hàng không quốc tế (gọi chung là các hãng hàng không); xuất phát từ một cảng hàng không, sân bay nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam đến một cảng hàng không, sân bay quốc tế của Việt Nam sẽ chấm dứt việc cung cấp dữ liệu hành khách trước chuyến bay đến các Cảng vụ hàng không từ ngày 01/01/2021. Việc cung cấp dữ liệu hành khách trước chuyến bay và các tài liệu khác theo quy định pháp luật được thực hiện qua Cổng thông tin một cửa quốc gia⁴⁴. Theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định số 85/2019/NĐ-CP, Cảng vụ hàng không tiếp nhận các thông tin liên quan đến chuyến bay thông qua Cổng thông tin một cửa quốc gia để hỗ trợ cho việc thực hiện quản lý chuyên ngành: hồ sơ dưới dạng dữ liệu điện tử⁴⁵ để làm thủ tục đối với tàu bay xuất cảnh, nhập cảnh, quá cảnh được quy định tại khoản 1 Điều 61 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 32 Điều 1 Nghị định số 59/2018/NĐ-CP.

ZE⁴⁶, RS⁴⁷, TW⁴⁸, Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không & Logistics Tân Sen⁴⁹ (Tân Sen) (thay mặt RF), Công ty DHT Aviation⁵⁰ (DHT) (thay mặt KC), SAGS-CXR⁵¹ (thay mặt BX), SAGS-DAD⁵² (thay mặt RF, HX, OD, LJ, YP), VIAGS⁵³ (thay mặt 5J, IT, 7C) thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR; Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR có tài khoản truy cập, nhận hồ sơ chuyến bay.

Kiểm tra việc nộp bản cân bằng trọng tải của các chuyến bay⁵⁴: bản cân bằng trọng tải được ZE, RS, TW, Tân Sen (thay mặt RF), DHT (thay mặt KC), SAGS-CXR (thay

⁴⁴ Quy định tại mục 1.3 “NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ NHẬP CẢNH, QUÁ CẢNH VÀ XUẤT CẢNH ĐỐI VỚI HÀNH KHÁCH VÀ TỔ BAY” Tập thông báo tin tức hàng không AIP Việt Nam.

⁴⁵ + Đối với tàu bay nhập cảnh: Bản khai hàng hóa nhập khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa nhập khẩu; Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; Danh sách tổ lái và nhân viên làm việc trên tàu bay.

+ Đối với tàu bay xuất cảnh: Bản khai hàng hóa xuất khẩu bằng đường hàng không trong trường hợp tàu bay vận chuyển hàng hóa xuất khẩu; Danh sách hành khách trong trường hợp tàu bay vận chuyển hành khách; Danh sách tổ lái, nhân viên làm việc trên tàu bay.

⁴⁶ ZE có văn bản số 2811/ZE ngày 28/11/2023 gửi đại diện CVHK-CXR về việc gửi tài liệu chuyến bay Eastar Jet bằng hình thức trực tuyến qua Google drive.

⁴⁷ RS có văn bản số 11/CV-RS ngày 01/8/2023 gửi đại diện CVHK-CXR về việc gửi tài liệu chuyến bay Air Seoul bằng hình thức trực tuyến qua Google drive và văn bản số 02-26/CV-RS ngày 01/02/2026.

⁴⁸ TW có văn bản số 01/2025/CV-TW ngày 10/01/2025 gửi đại diện CVHK-CXR về việc gửi tài liệu chuyến bay T'way Air bằng hình thức trực tuyến qua Google drive.

⁴⁹ ZF có văn bản số 28/2025/TSA-TL ngày 28/10/2025 gửi đại diện CVHK-CXR về việc gửi tài liệu chuyến bay AZUR AIR bằng hình thức trực tuyến qua Google drive.

⁵⁰ DHT có văn bản số 2024/2025/CV-DHT ngày 20/4/2025 gửi đại diện CVHK-CXR về việc gửi tài liệu chuyến bay của Air Astana bằng hình thức trực tuyến qua Google drive.

⁵¹ Các tài liệu chuyến bay được SAGS-CXR tải lên hệ thống trang thông tin điện tử sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh. Đại diện CVHK-CXR có tài khoản truy cập hệ thống, nhận hồ sơ chuyến bay.

⁵² Các tài liệu chuyến bay được SAGS-DAD tải lên hệ thống trang thông tin điện tử sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh. Cảng vụ HKMT có tài khoản truy cập hệ thống, nhận hồ sơ chuyến bay.

⁵³ Các tài liệu chuyến bay được VIAGS tải lên hệ thống trang thông tin điện tử <https://sohoa.viags.vn/Flights/Default.aspx?r=0301> sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh. Cảng vụ HKMT có tài khoản truy cập hệ thống, nhận hồ sơ chuyến bay.

⁵⁴ ZE: chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026; BX: chuyến bay BX781 ngày 22/4/2026; RS: RS528 ngày 05/6/2026; ZF: chuyến bay ZF2578 ngày 29/3/2026; TW: chuyến bay TW034 ngày 08/6/2026; KC: chuyến bay KC158 ngày 29/8/2025; 5J: chuyến bay 5J5756 ngày 14/6/2026; OD: chuyến bay OD503 ngày 16/6/2026; IT: chuyến bay IT552 ngày 18/6/2026; 7C: chuyến bay 7C2211 ngày 30/12/2025; RF: chuyến bay RF532 ngày



mặt BX), SAGS-DAD (thay mặt RF, HX, OD, LJ, YP), VIAGS (thay mặt 5J, IT, 7C) nộp cho Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh.

OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, RS, ZE, ZF, KC, TW thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải, danh sách tổ bay, bản kê khai hàng hóa của các chuyến bay sau khi tàu bay cất cánh hoặc hạ cánh theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- Kiểm tra hồ sơ việc thông báo thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay của các hãng hàng không tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh⁵⁵: ZE, TW, 5J, IT, HX, RS, OD, 7C, YP, LJ, BX, ZF, RF thực hiện thông báo ngay cho Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR; ZE, TW, 5J, IT, HX, OD, 7C, YP, LJ, BX, ZF, RF thực hiện thông báo ngay cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay (Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh); ZE, TW, 5J, IT, HX thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm ARO/AIS Đà Nẵng, Cam Ranh); BX, ZF, RF thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm ARO/AIS Đà Nẵng, Cam Ranh, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng, Cam Ranh - APP/TWR Đà Nẵng, Cam Ranh) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại Khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- Kiểm tra việc chèn bánh tàu bay, đặt chóp an toàn xung quanh tàu bay đối với chuyến bay⁵⁶: nhân viên của đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS) thực hiện việc chèn bánh tàu bay và đặt chóp an toàn xung quanh tàu bay theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không quy định tàu bay phải được chèn bánh, cài phanh, chằng néo trong trường hợp tốc độ gió vượt quá 20 m/s (75 km/h) trong tài liệu hướng dẫn khai thác theo quy định tại Điều 62 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

- Trong thời kỳ thanh tra YP, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC không có sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay; TW⁵⁷ có 01 sự cố, 5J⁵⁸ có 01 sự cố, OD⁵⁹ có 01 sự cố, RF⁶⁰ có 01 sự cố, HX⁶¹ có 01 sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay.

TW, OD, RF báo cáo Cục HKVN, Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay; RF, TW, OD báo cáo Cục HKVN bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay theo quy định. HX, 5J báo cáo Cảng HKQT Đà Nẵng sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay.

Tồn tại:

20/6/2026; YP: chuyến bay YP621 ngày 21/6/2026; HX: chuyến bay HX549 ngày 20/4/2026; LJ: chuyến bay LJ082 ngày 15/4/2026.

⁵⁵ ZE: 03 chuyến bay; BX: 01 chuyến bay; RS: 03 chuyến bay; ZF: 01 chuyến bay; TW: 03 chuyến bay; 5J: 01 chuyến bay; OD: 02 chuyến bay; IT: 01 chuyến bay; 7C: 03 chuyến bay; RF: 01 chuyến bay; YP: 01 chuyến bay; HX: 01 chuyến bay; LJ: 01 chuyến bay. KC không có chuyến bay bị chậm.

⁵⁶ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX788 ngày 02/6/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

⁵⁷ Chuyến bay TW033 ngày 16/04/2026.

⁵⁸ Chuyến bay 5J5756 ngày 01/5/2025.

⁵⁹ Chuyến bay OD502 ngày 22/4/2026.

⁶⁰ Chuyến bay RF531 ngày 22/10/2025.

⁶¹ Chuyến bay HX548 ngày 06/4/2026.

- BX⁶² không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho đại diện CVHK-CXR theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- 7C⁶³ không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ HKMT theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- RS không thực hiện thông báo ngay cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay (Cảng HKQT Cam Ranh), cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Cam Ranh - APP/TWR Cam Ranh); ZE, TW không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Cam Ranh - APP/TWR Cam Ranh); 5J, IT, RF, HX không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng); OD, 7C, YP, LJ không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Thông báo tin tức hàng không Đà Nẵng - ARO/AIS Đà Nẵng, Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- BX không quy định tàu bay phải được chèn bánh, cài phanh, chằng néo trong trường hợp tốc độ gió vượt quá 20m/s (75 km/h) theo quy định tại Điều 62 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

- 5J không báo cáo Cục HKVN, Cảng vụ HKMT, Cảng HKQT Đà Nẵng; HX không báo cáo Cục HKVN, Cảng vụ HKMT vụ việc tàu bay va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi theo quy định về báo cáo an toàn hàng không theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

- 5J, HX không báo cáo Cục HKVN bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay theo quy định tại Điều 81 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT⁶⁴.

- Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyến bay IT586 ngày 18/6/2026⁶⁵ thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 11.1.3.2⁶⁶ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất (Ground Services Manual) theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

- Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026⁶⁷ thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 4.2.1⁶⁸ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất của IATA (IGOM) phiên bản 14 theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

⁶² Chuyến bay BX781 ngày 22/4/2026.

⁶³ Bảng cân bằng trọng tải chuyến bay 7C2211 ngày 30/12/2025 không có chữ ký của người chỉ huy tàu bay theo quy định..

⁶⁴ Mẫu số 03 (2.2) của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

⁶⁵ Nhân viên thuộc Công ty VAECO.

⁶⁶ 'ALL CLEAR' Before Approaching An Aircraft.

⁶⁷ Nhân viên thuộc Công ty VAECO.

⁶⁸ Mục 4.2.1 Wheel chock placement quy định: Một nhân viên được chỉ định phải tiến hành chèn bánh càng mũi (nếu loại tàu bay cho phép). Đây là hành động đầu tiên được thực hiện quanh tàu bay sau khi tàu bay dừng và phải hoàn thành trước các hoạt động phục vụ khác.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về BX, 7C, RS, ZE, TW, 5J, IT, RF, HX, OD, YP, LJ; trách nhiệm của nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thạo với tổ lái; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên đại diện CVHK-CXR trong việc kiểm tra, giám sát.

2. Vận chuyển hàng không, chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không, bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không

2.1. Vận chuyển hàng không, Quyền vận chuyển hàng không

2.1.1 Giấy phép mở văn phòng đại diện, văn phòng bán vé cho hãng hàng không nước ngoài

Các hãng hàng không OD, HX, RF, YP, LJ, 7C, RS, ZE, BX, TW được Cục HKVN cấp Giấy phép thành lập văn phòng bán vé của hãng Hàng không nước ngoài tại Việt Nam. ZF, KC, 5J, IT không thành lập văn phòng bán vé của hãng Hàng không nước ngoài tại Việt Nam.

Các hãng hàng không HX, RF, YP, 7C, RS, ZE, BX, TW có Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 gửi Cục HKVN theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁶⁹. OD, LJ có Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 gửi Cục HKVN.

Tồn tại:

- Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 của OD, LJ không đúng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII⁷⁰ Thông tư 81/2014/TT-BGTVT⁷¹.

- YP không thông báo hoạt động về Cục HKVN theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁷².

Về vấn đề này, theo Nghị định số 208/2026/NĐ-CP, các hãng hàng không nước ngoài chỉ có trách nhiệm thông báo cho Cục Hàng không Việt Nam về việc thành lập Văn phòng đại diện, Chi nhánh tại Việt Nam.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về OD, LJ, YP; trách nhiệm của lãnh đạo, chuyên viên Phòng Vận tải hàng không (VTHK) trong việc theo dõi báo cáo, thông báo hoạt động của OD, LJ, YP theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 43/QĐ-CHK ngày 10/3/2025.

⁶⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

⁷⁰ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 28/2023/TT-BGTVT.

⁷¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

⁷² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.

2.1.2. Quyền vận chuyển hàng không

Các hãng hàng không OD⁷³, HX⁷⁴, RF⁷⁵, YP⁷⁶, 5J⁷⁷, IT⁷⁸, KC⁷⁹, TW⁸⁰ được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đến và đi từ Việt Nam (từ Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh) đến nước sở tại và ngược lại; ZE⁸¹, RS⁸², BX⁸³, LJ⁸⁴, 7C⁸⁵ được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đến Việt Nam. ZF khai thác chuyến bay không thường lệ, quyền vận chuyển hàng không đi kèm phép bay được Cục HKVN cấp.

Tồn tại:

ZE, RS không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Cam Ranh đối với chặng bay CXR-ICN; BX không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Cam Ranh đối với chặng bay CXR-PUS, CXR-ICN; OD không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-KUL; 7C⁸⁶ không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-MWX, DAD-PUS, DAD-TAE, DAD-ICN; LJ không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-ICN, DAD-PUS theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT.

Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, ZE⁸⁷, RS⁸⁸, BX⁸⁹, 7C⁹⁰, LJ⁹¹ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về ZE, RS, BX, 7C, LJ, OD.

2.1.3. Nghĩa vụ tối thiểu của người vận chuyển đối với hành khách đã được xác nhận chỗ và có vé trên chuyến bay trong trường hợp vận chuyển bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách không được vận chuyển do lỗi của người vận chuyển

- Các hãng hàng không quy định hình thức thông báo và triển khai thực hiện trách nhiệm thông báo ngay cho hành khách về việc thay đổi thời gian khởi hành của chuyến bay theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁹².

⁷³ Văn bản số 285/CHK-VTHK ngày 21/01/2019.

⁷⁴ Văn bản số 2968/CHK-VTHK ngày 18/6/2024.

⁷⁵ Văn bản số 6939/CHK-VTHK ngày 05/12/2023.

⁷⁶ Văn bản số 6047/CHK-VTHK ngày 12/11/2024.

⁷⁷ Văn bản số 2790/CHK-VTHK ngày 01/6/2023.

⁷⁸ Văn bản của Hiệp hội các hãng hàng không Việt Nam ngày 20/10/2021; Văn bản của Hiệp hội các hãng hàng không Việt Nam ngày 22/8/2022.

⁷⁹ Văn bản số 71/CHK-VTHK ngày 06/3/2025.

⁸⁰ Văn bản số 3174/CHK-VTHK ngày 08/6/2026; Văn bản số 2610/CHK-VTHK ngày 24/5/2026; Văn bản số 1686/CHK-VTHK ngày 08/4/2024; Văn bản số 2403/CHK-VTHK ngày 17/4/2024.

⁸¹ Văn bản số 224/CHK-VTHK ngày 15/1/2019.

⁸² Văn bản số 5323/CHK-VTHK ngày 28/11/2019.

⁸³ Văn bản số 1168/CHK-VTHK ngày 20/03/2020; Văn bản số 2866/CHK-VTHK ngày 28/06/2022.

⁸⁴ Văn bản số 5107/CHK-VTHK ngày 17/09/2015; Văn bản số 5845/CHK-VTHK ngày 28/10/2015; Văn bản số 3215/CHK-VTHK ngày 09/6/2026.

⁸⁵ Văn bản số 965/CHK-VTHK ngày 15/03/2018; Văn bản số 847/CHK-VTHK ngày 08/03/2018; Văn bản số 4166/CHK-VTHK ngày 11/10/2018; Văn bản số 5170/CHK-VTHK ngày 22/09/2015.

⁸⁶ Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/6/2026.

⁸⁷ Văn bản số 3360/CHK-VTHK ngày 16/6/2026.

⁸⁸ Văn bản số 3792/CHK-VTHK ngày 03/7/2026.

⁸⁹ Văn bản số 3142/CHK-VTHK ngày 05/6/2026.

⁹⁰ Văn bản số 3436/CHK-VTHK ngày 17/6/2026.

⁹¹ Văn bản số 3215/CHK-VTHK ngày 09/6/2026.

⁹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.



Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay thay đổi thời gian khởi hành⁹³: các hãng hàng không thực hiện thông báo ngay cho hành khách về việc thay đổi thời gian khởi hành của chuyến bay theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁹⁴.

- Các hãng hàng không thực hiện nghĩa vụ cung cấp, cập nhật đầy đủ thông tin cho hành khách theo phương thức thích hợp; xin lỗi hành khách; bảo đảm việc ăn, nghỉ, đi lại và chịu các chi phí khác có liên quan trực tiếp phù hợp với thời gian chờ đợi tại cảng hàng không theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁹⁵.

Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay bị chậm⁹⁶: các hãng hàng không HX, OD, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁹⁷.

- Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay: các hãng hàng không ZE⁹⁸, BX⁹⁹, RS¹⁰⁰, ZF¹⁰¹, TW¹⁰², KC¹⁰³, OD¹⁰⁴, IT¹⁰⁵, 7C¹⁰⁶, RF¹⁰⁷, YP¹⁰⁸, HX¹⁰⁹, LJ¹¹⁰ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ

⁹³ ZE: 02 chuyến bay ZE564 ngày 15/01/2025, ZE562 ngày 04/04/2026 khởi hành trễ; BX: 02 chuyến bay BX782 12/3/2026, BX782 ngày 22/02/2026 khởi hành trễ; RS: 03 chuyến bay RS528 ngày 02/04/2026, RS528 ngày 03/04/2026, RS528 ngày 30/04/2026 khởi hành trễ; ZF: 01 chuyến bay ZF2578 ngày 21/05/2026 khởi hành trễ; TW: 04 chuyến bay TW046 ngày 01/5/2026, TW188 ngày 31/3/2025, TW038 ngày 11/3/2026; TW046 ngày 14/2/2026 khởi hành trễ; KC: 02 chuyến bay KC158 ngày 16/5/2025, KC158 ngày 29/4/2025 khởi hành trễ; 5J: 02 chuyến bay 5J5757 ngày 15/10/2025, 5J5757 ngày 03/01/2026 khởi hành trễ; OD: 02 chuyến bay OD0503 ngày 01/5/2026, OD0503 ngày 25/05/2026 khởi hành trễ; IT: 02 chuyến bay IT552 ngày 02/8/2025, IT552 ngày 15/5/2026 khởi hành trễ; 7C: 01 chuyến bay 7C2262 ngày 28/9/2025 khởi hành trễ; RF: 02 chuyến bay RF532 ngày 08/12/2025, RF532 ngày 09/02/2026 khởi hành trễ; YP: 01 chuyến bay YP622 ngày 01/02/2025 khởi hành trễ; HX: 02 chuyến bay HX549 ngày 14/02/2026, HX549 ngày 01/04/2026 khởi hành trễ; LJ: 02 chuyến bay LJ082 ngày 27/5/2026, LJ082 ngày 17/04/2026 khởi hành trễ.

⁹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

⁹⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

⁹⁶ ZE: 02 chuyến bay ZE564 ngày 15/01/2025, ZE562 ngày 04/04/2026 khởi hành trễ; BX: 02 chuyến bay BX782 12/3/2026, BX782 ngày 22/02/2026 khởi hành trễ; RS: 03 chuyến bay RS528 ngày 02/04/2026, RS528 ngày 03/04/2026, RS528 ngày 30/04/2026 khởi hành trễ; ZF: 01 chuyến bay ZF2578 ngày 21/05/2026 khởi hành trễ; TW: 04 chuyến bay TW046 ngày 01/5/2026, TW188 ngày 31/3/2025, TW038 ngày 11/3/2026; TW046 ngày 14/2/2026 khởi hành trễ; KC: 02 chuyến bay KC158 ngày 16/5/2025, KC158 ngày 29/4/2025 khởi hành trễ; 5J: 02 chuyến bay 5J5757 ngày 15/10/2025, 5J5757 ngày 03/01/2026 khởi hành trễ; OD: 02 chuyến bay OD0503 ngày 01/5/2026, OD0503 ngày 25/05/2026 khởi hành trễ; IT: 02 chuyến bay IT552 ngày 02/8/2025, IT552 ngày 15/5/2026 khởi hành trễ; 7C: 01 chuyến bay 7C2262 ngày 28/9/2025 khởi hành trễ; RF: 02 chuyến bay RF532 ngày 08/12/2025, RF532 ngày 09/02/2026 khởi hành trễ; YP: 01 chuyến bay YP622 ngày 01/02/2025 khởi hành trễ; HX: 02 chuyến bay HX549 ngày 14/02/2026, HX549 ngày 01/04/2026 khởi hành trễ; LJ: 02 chuyến bay LJ082 ngày 27/5/2026, LJ082 ngày 17/04/2026 khởi hành trễ.

⁹⁷ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

⁹⁸ Chuyến bay bị hủy ZE564 ngày 09/01/2025.

⁹⁹ Chuyến bay bị chậm BX752 ngày 30/05/2025.

¹⁰⁰ chuyến bay bị hủy RS528 ngày 12/5/2026

¹⁰¹ Chuyến bay bị chậm ZF2560 ngày 30/01/2026.

¹⁰² Chuyến bay bị hủy TW156 ngày 08/02/2025.

¹⁰³ 02 chuyến bay bị chậm KC158 ngày 29/08/2025; KC158 ngày 31/08/2025.

¹⁰⁴ 02 chuyến bay bị chậm OD0503 ngày 01/5/2026, OD0503 ngày 25/05/2026.

¹⁰⁵ 02 chuyến bay bị chậm IT552 ngày 26/2/2025, IT552 ngày 13/01/2026.

¹⁰⁶ Chuyến bay bị chậm 7C2218 ngày 28/5/2025.

¹⁰⁷ 01 chuyến bay RF532 bị chậm ngày 10/01/2025, 01 chuyến bay bị hủy RF532 ngày 08/02/2025.

¹⁰⁸ Chuyến bay bị chậm YP622 ngày 30/5/2026.

¹⁰⁹ Chuyến bay bị chậm HX549 ngày 01/5/2025.

¹¹⁰ 02 chuyến bay bị chậm LJ082 ngày 15/02/2025; LJ082 ngày 12/07/2025.

khác¹¹¹ của người vận chuyển đối với hành khách¹¹² theo quy định tại khoản 4, 6, 8 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT¹¹³.

Trong thời kỳ thanh tra, 5J không có chuyến bay thuộc các trường hợp theo quy định tại khoản 4, 6, 8 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT¹¹⁴.

- Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay: BX¹¹⁵, OD¹¹⁶, 7C¹¹⁷, YP¹¹⁸ thực hiện hoàn vé cho hành khách theo quy định tại khoản 9 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT¹¹⁹.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, ZF, TW, KC, 5J, IT, RF, HX, LJ không phát sinh việc hoàn vé cho hành khách.

2.1.4. Vận chuyển hành khách đặc biệt

- Các hãng hàng không nước ngoài thực hiện các nghĩa vụ như đối với hành khách thông thường, bố trí nhân viên chăm sóc, hỗ trợ; tổ chức và triển khai các loại hình dịch vụ hỗ trợ trong quá trình vận chuyển hành khách đặc biệt theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không nước ngoài quy định miễn phí, cước vận chuyển công cụ hỗ trợ của hành khách đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay vận chuyển công cụ hỗ trợ của hành khách đặc biệt: các hãng hàng không RS¹²⁰, TW¹²¹, 5J¹²², IT¹²³, RF¹²⁴, HX¹²⁵ thực hiện vận chuyển miễn phí, cước vận chuyển công cụ hỗ trợ của hành khách đặc biệt theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

2.2. Chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không

2.2.1. Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không

- Các hãng hàng không đã ban hành, tổ chức thực hiện Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹²⁶.

ZE, BX, ZF, TW, KC, 5J, OD, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ, RS thực hiện tuyên truyền, phổ biến Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không và ban hành quy trình phối

¹¹¹ Ngoài các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

¹¹² Trong trường hợp chuyến bay bị chậm do lỗi của người vận chuyển; trong trường hợp hành khách không được vận chuyển do lỗi của người vận chuyển và trường hợp chuyến bay bị hủy mà không được người vận chuyển thông báo trước cho hành khách; trong trường hợp do lỗi của người vận chuyển, hành khách đã được xác nhận chỗ nhưng không được vận chuyển và không nhận được thông báo về việc thay đổi thời gian khởi hành sớm hoặc không đồng ý với việc thay đổi thời gian khởi hành sớm.

¹¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

¹¹⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

¹¹⁵ Chuyến bay BX752 ngày 14/09/2025.

¹¹⁶ 02 chuyến bay OD0503 ngày 01/5/2026, OD0503 ngày 25/05/2026.

¹¹⁷ Chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025.

¹¹⁸ Chuyến bay YP622 ngày 30/5/2026.

¹¹⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT.

¹²⁰ Chuyến bay RS528 ngày 14/2/2026, RS528 ngày 24/2/2026.

¹²¹ Chuyến bay TW034 ngày 21/11/2025.

¹²² Chuyến bay 5J5757 ngày 10/6/2026.

¹²³ Chuyến bay IT552 ngày 18/6/2026.

¹²⁴ Chuyến bay RF532 ngày 16/10/2025.

¹²⁵ Chuyến bay HX547 ngày 05/4/2026, HX549 ngày 24/4/2026.

¹²⁶ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017.

hợp với các đơn vị liên quan trong công tác phục vụ hành khách theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹²⁷.

- Kiểm tra Quy trình phục vụ hành khách của các hãng hàng không¹²⁸: đủ các nội dung dịch vụ hành khách tại điểm đi; dịch vụ đưa hành khách ra tàu bay; dịch vụ phục vụ hành khách của chuyến bay bị chậm, gián đoạn, hủy chuyến; dịch vụ phục vụ hành khách sử dụng các loại dịch vụ đặc biệt và dịch vụ phục vụ hành khách tại điểm đến, điểm nối chuyển theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không OD¹²⁹, HX¹³⁰, RF¹³¹, 5J¹³², IT¹³³, LJ¹³⁴, 7C¹³⁵, RS¹³⁶, ZE¹³⁷, BX¹³⁸, KC¹³⁹, TW¹⁴⁰, YP¹⁴¹ đã gửi Cục HKVN, Cảng vụ HKMT Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

Tồn tại:

- BX không ban hành quy trình phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác phục vụ hành khách theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁴².

¹²⁷ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017.

¹²⁸ ZE: Quy trình phục vụ hành khách tại Chương 2 – Passenger departure – Tài liệu SOM (Station Operations Manual Rev.6, Edit 7 ngày 02/02/2026).

BX: Quy trình phục vụ hành khách: Tài liệu Airport service manual phiên bản lần thứ 36 ngày 26/06/2025.

RS: Quy trình phục vụ hành khách gồm Sổ tay quản lý khai thác tại trạm SOMM (Station Operation Management Manual) số 01-03 ngày 28/11/2024, Sổ tay hướng dẫn khai thác SOM (Station Operation Manual) số 02-02 ngày 15/11/2020 và Sổ tay hướng dẫn dịch vụ SM (Services Manual) số 03-05 ngày 01/11/2023.

ZF: Quy trình phục vụ hành khách: Tài liệu hướng dẫn khai thác cho các sân bay nước ngoài (ZF-OOM) phiên bản số 7, sửa đổi 9 ngày 07/02/2026.

TW: Quy trình phục vụ hành khách: Tài liệu CSM (Customer services manual phiên bản 5, sửa đổi 10, hiệu lực ngày 15/9/2023).

KC: Quy trình phục vụ hành khách: Tài liệu hướng dẫn khai thác tại sân bay SOM (Station operations manual) phiên bản 09-08 ngày 26/01/2024.

OD: Quy trình phục vụ hành khách: Tài liệu GOM Issue 3 Revision No 0 cập nhật ngày 30/09/2024. Tài liệu hướng dẫn dịch vụ mặt đất phiên bản 8.1.0 ngày 27/3/2026.

IT: Quy trình phục vụ hành khách: Chương 4 - Tài liệu hướng dẫn dịch vụ mặt đất (GOM) phiên bản 2.1 ngày 01/01/2026.

¹²⁹ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Ground Operations Manual Issue 4 Revision No 0.

¹³⁰ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Passenger Handling & Standards Manual (PHSM), sửa đổi 01.

¹³¹ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Ground Operations Manual (GOM), sửa đổi số 02.

¹³² Cục HKVN: ngày 01/4/2025 gửi bản sửa đổi số 34 có hiệu lực ngày 04/04/2025; ngày 13/5/2026 gửi bản sửa đổi 36 có hiệu lực ngày 02/02/2026. Cảng vụ HKMT: ngày 01/4/2025 gửi bản sửa đổi số 34 có hiệu lực ngày 04/04/2025; ngày 14/01/2026 gửi bản sửa đổi số 35 có hiệu lực ngày 01/8/2025; ngày 13/5/2026 gửi bản sửa đổi 36 có hiệu lực ngày 02/02/2026.

¹³³ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: bản sửa đổi số 10 ngày 15/4/2025; bản sửa đổi số 11 ngày 7/01/2026; ngày 14/01/2026; bản cập nhật TR11-01 ngày 15/6/2026.

¹³⁴ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Ground Operation Manual (GOM) bản sửa đổi 16, Tài liệu International Airport Service Manual (IASM) bản sửa đổi 13.

¹³⁵ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Ground Operations Manual Revision 31 và Tài liệu Ground Operations Manual Revision 32.

¹³⁶ Cảng vụ HKMT: Tài liệu ASOM.

¹³⁷ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Aircraft loading & handling manual (AHM) – số ESR-LFSD-022 Rev.18.

¹³⁸ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Airport service manual phiên bản 35, Tài liệu Airport service manual phiên bản 36.

¹³⁹ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Ground Operation Manual ban hành ngày 19/3/2025.

¹⁴⁰ Cục HKVN, Cảng vụ HKMT: Tài liệu Standard Operation Procedure bản sửa đổi số 03, 04, 05.

¹⁴¹ Tài liệu Airport Passenger Service Manual (APSM) Revision 11 ban hành ngày 01/8/2025.

¹⁴² Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017.

- RS¹⁴³, 5J¹⁴⁴ không gửi Quy trình phục vụ hành khách cho Cục HKVN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.
Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không RS, BX, 5J.

2.2.2. Dịch vụ hành khách tại điểm đi

- ZE, ZF ký hợp đồng với AGS; BX, TW ký hợp đồng với SAGS-CXR; RS, KC ký hợp đồng với CRTC; OD, 7C, RF, YP, HX, LJ ký hợp đồng với AHT; 5J, IT ký hợp đồng với VIAGS bố trí số lượng quầy làm thủ tục cho chuyến bay.

Kiểm tra việc bố trí quầy làm thủ tục cho các chuyến bay¹⁴⁵: ZE bố trí 04 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay; BX bố trí 04 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay; RS bố trí 04 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay; TW bố trí 05 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay; OD bố trí 04 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay; 7C bố trí 04 quầy làm thủ tục cho mỗi chuyến bay. ZF, KC, 5J, IT, RF, YP, HX, LJ bố trí đủ số lượng quầy làm thủ tục cho chuyến bay phục vụ hành khách theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không thực hiện cung cấp thông tin cho Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh trong việc hiển thị thông tin liên quan đến chuyến bay trực tiếp hoặc thông qua AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS.

Kiểm tra việc cung cấp thông tin cho Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh trong việc hiển thị thông tin liên quan đến chuyến bay¹⁴⁶: các hãng hàng không thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Kiểm tra việc bố trí khung đo, cân hành lý xách tay cho hành khách tại các khu vực quầy thủ tục và tại các cửa khởi hành của các chuyến bay¹⁴⁷: các hãng hàng không bố trí khung đo và cân hành lý xách tay hoặc sử dụng khung đo, cân hành lý ký xách tay do doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác ga bố trí theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Công bố và thực hiện việc mở, đóng quầy

ZE, BX, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, HX, LJ công bố và thực hiện việc mở, đóng quầy theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁴⁸.

ZF, KC, OD, YP quy định thời gian mở quầy và thực hiện việc mở quầy theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁴⁹.

¹⁴³ Tài liệu ASOM Rev.10.

¹⁴⁴ Tài liệu Airport service manual phiên bản lần thứ 35.

¹⁴⁵ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁴⁶ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁴⁷ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁴⁸ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁴⁹ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.



Kiểm tra việc thực hiện việc mở, đóng quầy đối với các chuyến bay¹⁵⁰: các hãng hàng không nước ngoài thực hiện việc mở, đóng quầy đối với các chuyến bay theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁵¹.

- Các hãng hàng không, các đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS) bố trí nhân viên trợ giúp hành khách chưa làm thủ tục tại khu vực làm thủ tục trước giờ đóng quầy 15 phút và thông tin cho các bộ phận an ninh, xuất nhập cảnh, hải quan để hỗ trợ hành khách hoàn thiện các thủ tục theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁵².

Kiểm tra việc bố trí nhân viên trợ giúp hành khách chưa làm thủ tục trước giờ đóng quầy 15 phút đối với các chuyến bay¹⁵³: các hãng hàng không thực hiện đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁵⁴.

- Các hãng hàng không nước ngoài công khai các danh mục vật phẩm hạn chế vận chuyển nằm ngoài danh mục vật phẩm nguy hiểm không được vận chuyển bằng đường hàng không theo quy định của pháp luật theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Kiểm tra việc xuất thẻ hành lý và bảo quản cho từng kiện hành lý đã ký gửi của hành khách đối với các chuyến bay¹⁵⁵: nhân viên làm thủ tục xuất thẻ hành lý và bảo quản cho từng kiện hành lý đã ký gửi của hành khách theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không thực hiện kết nối hệ thống làm thủ tục vào hệ thống làm thủ tục hành khách chung tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh theo quy định tại điểm h khoản 7 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁵⁶.

Tồn tại:

- ZE, BX, RS, OD, 7C không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- YP¹⁵⁷ công bố thời gian đóng quầy không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2014/TT-BGTVT¹⁵⁸.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không ZE, BX, RS, OD, 7C, YP; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT trong việc kiểm tra, giám sát việc công bố thời gian đóng quầy của YP.

¹⁵⁰ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁵¹ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁵² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁵³ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁵⁴ Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁵⁵ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁵⁶ Điểm này được bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁵⁷ Quy định thời gian đóng quầy đối với các chuyến bay quốc tế là 1 giờ trước giờ khởi hành trên trang điện tử.

¹⁵⁸ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

2.2.3. Dịch vụ đưa hành khách ra tàu bay

- Các hãng hàng không nước ngoài quy định nội dung phục vụ hành khách cần sự giúp đỡ, hành khách là người khuyết tật, đau ốm, người già, người đi cùng trẻ em, phụ nữ có thai, trẻ em đi một mình không có người đi cùng trong quy trình đưa hành khách ra tàu bay theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Kiểm tra việc phối hợp với Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất để thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay với ngôn ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh¹⁵⁹ đối với các chuyến bay¹⁶⁰: RS, ZF, TW, KC, 5J, OD, IT, 7C, YP, LJ thực hiện đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT; ZE thực hiện đúng quy định về thông báo thông tin chuyến bay, số cửa ra tàu bay, giờ lên tàu bay quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT; BX, RF, HX thực hiện đúng quy định về thông báo thông tin chuyến bay, số cửa ra tàu bay, giờ lên tàu bay và giờ đóng cửa lên tàu bay quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT; YP thực hiện đúng quy định về thông báo thông tin chuyến bay, số cửa ra tàu bay, giờ lên tàu bay, bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Các hãng hàng không nước ngoài công bố giờ đóng cửa lên tàu bay theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

Kiểm tra việc thực hiện giờ đóng cửa lên tàu bay đối với các chuyến bay¹⁶¹: Các hãng hàng không thực hiện đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- ZE, RS, ZF ký hợp đồng với AGS; KC, BX, TW ký hợp đồng với SAGS-CXR; RF, HX, OD, LJ, YP ký hợp đồng với SAGS-DAD; 5J, IT, 7C ký hợp đồng với VIAGS cung cấp xe ô tô chở hành khách từ cửa ra tàu bay đến vị trí đậu tàu bay đối với các chuyến bay không sử dụng cầu ống dẫn hành khách theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁶².

- Tại thời điểm thanh tra, RF, YP, 5J, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, KC, TW không có trường hợp chuyến bay thay đổi cửa khởi hành.

Kiểm tra chuyến bay thay đổi cửa khởi hành BX788 ngày 02/06/2026¹⁶³, OD0503 ngày 17/06/2026¹⁶⁴, IT586 ngày 18/6/2026¹⁶⁵, HX549 ngày 01/8/2025¹⁶⁶: SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS đặt biển thông báo, bố trí nhân viên trực hướng dẫn hành khách và bảng thông tin thay đổi cửa khởi hành tại cửa khởi hành cũ theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

¹⁵⁹ Thông tin chuyến bay, số cửa ra tàu bay, giờ lên tàu bay và giờ đóng cửa lên tàu bay, bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

¹⁶⁰ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁶¹ Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁶² Điểm này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁶³ Chuyến bay đổi cửa khởi hành từ vị trí cửa khởi hành số 7 sang vị trí cửa khởi hành số 6.

¹⁶⁴ Chuyến bay đổi cửa khởi hành từ vị trí cửa khởi hành số 7 sang vị trí cửa khởi hành số 5.

¹⁶⁵ Chuyến bay đổi cửa khởi hành từ vị trí cửa khởi hành số 1 sang vị trí cửa khởi hành số 4.

¹⁶⁶ Chuyến bay đổi cửa khởi hành từ vị trí cửa khởi hành số 4 sang vị trí cửa khởi hành số 7.

- Kiểm tra các chuyến bay¹⁶⁷: nhân viên phục vụ mặt đất của AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS phục vụ cho việc đưa hành khách lên tàu bay khoản 2 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT; đại diện các hãng hàng không hoặc AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS, DHT, Tân Sen thực hiện giám sát hoạt động đưa khách lên tàu bay theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁶⁸.

Tồn tại:

- ZE, RS không thực hiện thông báo thông tin giờ đóng cửa lên tàu bay theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- ZE, BX, RS, RF, HX thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay¹⁶⁹ không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về ZE, BX, RS, RF, HX.

2.2.4. Dịch vụ phục vụ hành khách của chuyến bay bị chậm, gián đoạn, hủy chuyến

- Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay chậm, hủy chuyến: ZE¹⁷⁰, BX¹⁷¹, RS¹⁷², ZF¹⁷³, TW¹⁷⁴, KC¹⁷⁵, 5J¹⁷⁶, OD¹⁷⁷, IT¹⁷⁸, 7C¹⁷⁹, RF¹⁸⁰, HX¹⁸¹, LJ¹⁸² cung cấp thông tin về tình trạng chuyến bay cho Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, AHT, CRTC, Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR, AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS, DHT, Tân Sen theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁸³.

YP¹⁸⁴ cung cấp thông tin về tình trạng chuyến bay cho SAGS-DAD, AHT theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁸⁵.

- Các hãng hàng không OD, HX, RF, YP, LJ, 7C, RS, ZE, BX, TW bố trí nhân viên đại diện trực chuyến phối hợp cùng nhân viên của AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS, DHT, Tân Sen thông báo và tổ chức cung cấp các dịch vụ mà hành khách được hưởng theo quy định, giải quyết các thắc mắc và nhu cầu của hành khách trên cơ sở tình

¹⁶⁷Các chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026, BX782 ngày 02/06/2026, RS528 ngày 05/6/2026, ZF2560 ngày 05/6/2026, TW034 ngày 09/6/2026, KC157 ngày 11/6/2026, 5J5757 ngày 15/6/2026, OD503 ngày 17/6/2026, IT586 ngày 18/6/2026, 7C2212 ngày 22/6/2026, RF532 ngày 25/6/2026, YP622 ngày 25/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026, LJ082 ngày 30/6/2026.

¹⁶⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁶⁹ Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

¹⁷⁰ Chuyến bay ZE562 ngày 31/5/2026; ZE562 ngày 01/6/2026; ZE562 ngày 02/6/2026.

¹⁷¹ Chuyến bay BX752 ngày 10/10/2025; BX788 ngày 25/09/2025, BX788 ngày 21/03/2026; BX788 ngày 19/02/2026; BX788 ngày 21/03/2026.

¹⁷² RS528 ngày 02/4/2026, RS528 ngày 05/4/2026, RS528 ngày 11/4/2026, RS528 ngày 15/03/2026, RS528 ngày 31/05/2026.

¹⁷³ Chuyến bay ZF2560 ngày 30/01/2026.

¹⁷⁴ Các chuyến bay TW156 ngày 04/02/2025, TW156 ngày 08/02/2025, TW156 ngày 09/01/2025, TW034 ngày 11/02/2026.

¹⁷⁵ Chuyến bay KC158 ngày 29/08/2025, KC158 ngày 31/08/2025.

¹⁷⁶ Chuyến bay 5J5757 ngày 03/4/2026, 5J5757 ngày 19/5/2026, 5J5757 ngày 03/6/2026.

¹⁷⁷ Chuyến bay OD0503 ngày 16/9/2025, OD0503 ngày 25/05/2026.

¹⁷⁸ Chuyến bay IT586 ngày 18/4/2026, IT586 ngày 25/4/2026, IT552 ngày 22/5/2026, IT586 ngày 30/5/2026, IT586 ngày 07/6/2026.

¹⁷⁹ Chuyến bay 7C2218 ngày 11/08/2025, 7C2218 ngày 28/5/2025.

¹⁸⁰ Chuyến bay RF532 ngày 08/12/2025, RF532 ngày 03/02/2026, RF532 ngày 09/02/2026.

¹⁸¹ Chuyến bay HX549 ngày 01/04/2026, HX549 ngày 15/02/2026, HX549 ngày 01/8/2025.

¹⁸² Chuyến bay LJ082 ngày 15/02/2025, LJ112 ngày 02/06/2026.

¹⁸³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁸⁴ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025.

¹⁸⁵ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

hình thực tế tại cảng hàng không và quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT¹⁸⁶.

- Kiểm tra hồ sơ chuyến bay¹⁸⁷: ZE¹⁸⁸, BX¹⁸⁹, RS¹⁹⁰, ZF¹⁹¹, TW¹⁹², 5J¹⁹³, OD¹⁹⁴, IT¹⁹⁵, 7C¹⁹⁶, RF¹⁹⁷, YP¹⁹⁸, HX¹⁹⁹, LJ²⁰⁰, KC²⁰¹ thực hiện đúng trách nhiệm theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²⁰².

Tồn tại:

YP²⁰³ không cung cấp thông tin cho tin cho Cảng vụ HKMT về tình trạng chuyến bay bị chậm theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²⁰⁴.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về YP; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT trong việc kiểm tra, giám sát.

2.2.5. Dịch vụ cho hành khách sử dụng các loại dịch vụ đặc biệt

Các hãng hàng không quy định không thu phí đối với các dịch vụ đặc biệt²⁰⁵ theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

Kiểm tra hồ sơ chuyến bay TW034 ngày 09/6/2026: TW không thu phí đối với dịch vụ xe lăn tại nhà ga theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.2.6. Dịch vụ cho hành khách tại điểm đến, điểm nối chuyến

- OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW quy định nội dung phục vụ hành khách khi tạm dừng, nối chuyến trong quy trình phục vụ hành khách tại điểm đến, điểm nối chuyến theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Kiểm tra chuyến bay²⁰⁶: RS, 5J, IT, RF, HX bố trí nhân viên hỗ trợ hành khách theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW không khai thác loại hình vận chuyển hành khách tạm dừng, nối chuyến tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

- AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS thiết lập bộ phận và khu vực giải quyết khiếu nại về hành lý, có hệ thống biển chỉ dẫn dễ nhận biết tại nhà ga hành khách quốc

¹⁸⁶ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

¹⁸⁷ Trong thời kỳ thanh tra, KC không có trường hợp các chuyến bay bị chậm chuyến.

¹⁸⁸ Chuyến bay ZE562 ngày 15/01/2026; ZE562 ngày 02/6/2026.

¹⁸⁹ Chuyến bay BX782 ngày 22/02/2026, BX788 ngày 21/03/2026; BX752 ngày 27/4/2025.

¹⁹⁰ Chuyến bay RS528 ngày 28/11/2025, RS528 ngày 25/8/2025, RS528 ngày 12/5/2026.

¹⁹¹ Chuyến bay ZF2578 ngày 21/05/2026, ZF2584 ngày 03/4/2026.

¹⁹² Chuyến bay TW046 ngày 01/5/2026, TW188 ngày 31/3/2025, TW038 ngày 11/3/2026, TW034 ngày 11/2/2026.

¹⁹³ Chuyến bay 5J5757 ngày 15/10/2025, 5J5757 ngày 03/01/2026, 5J5757 ngày 03/12/2025.

¹⁹⁴ Chuyến bay OD0503 ngày 16/09/2025, OD0503 ngày 25/05/2026.

¹⁹⁵ Chuyến bay IT552 ngày 26/2/2025, IT552 ngày 02/8/2025, IT552 ngày 15/5/2026.

¹⁹⁶ Chuyến bay 7C2218 ngày 11/08/2025.

¹⁹⁷ Chuyến bay RF532 ngày 08/12/2025, RF532 ngày 09/02/2026.

¹⁹⁸ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025, YP622 ngày 03/12/2025.

¹⁹⁹ Chuyến bay HX549 ngày 01/5/2025, HX549 ngày 14/02/2026, HX549 ngày 01/04/2026.

²⁰⁰ Chuyến bay LJ082 ngày 15/02/2025, LJ082 (DAD-ICN) ngày 12/07/2025.

²⁰¹ Chuyến bay KC158 ngày 16/05/2025.

²⁰² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²⁰³ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025.

²⁰⁴ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²⁰⁵ Dịch vụ xe lăn tại nhà ga; Dịch vụ phục vụ hành khách là người già yếu, khiếm thị, khiếm thính.

²⁰⁶ Các chuyến bay RS528 ngày 05/6/2026, 5J5756 ngày 15/6/2026, IT552 ngày 18/6/2026, RF531 ngày 24/6/2026, HX549 ngày 26/6/2026.

tế Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh cho các hãng hàng không theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 9 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.2.7. Dịch vụ cơ bản tại nhà ga

- Các hãng hàng không thực hiện cung cấp thông tin cho Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh trực tiếp hoặc qua AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS để hiển thị thông tin liên quan đến chuyến bay sử dụng ngôn ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh²⁰⁷ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 10 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²⁰⁸.

- Các hãng hàng không bố trí nhân viên tại quầy làm thủ tục hoặc các hình thức khác tiếp nhận khiếu nại liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng không theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 10 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²⁰⁹.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không có trường hợp khiếu nại liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng không tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

2.2.8. Quy định đối với doanh nghiệp và nhân viên hoạt động tại cảng hàng không

- Các hãng hàng không hành Quy định về kỷ luật lao động²¹⁰ theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²¹¹.

- Các hãng hàng không công bố công khai đường dây nóng trên trang thông tin điện tử; thực hiện niêm yết tại quầy thông tin của Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh hoặc quầy thủ tục, cửa khởi hành ra tàu bay theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT²¹².

- Kiểm tra nhân viên của các hãng hàng không trực tiếp tiếp xúc với hành khách hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh: Nhân viên của các hãng hàng không mặc đồng phục của hãng; đeo thẻ nhân viên trong quá trình tác nghiệp và thẻ kiểm soát an ninh khi làm việc tại các khu vực hạn chế của cảng hàng không theo quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.3. Bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không

2.3.1. Nghĩa vụ của người vận chuyển

- Bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay trong trường hợp từ chối vận chuyển hoặc hủy chuyến bay hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài, trừ các trường hợp được miễn trách nhiệm

Trong thời kỳ thanh tra 5J, RF, LJ không có trường hợp từ chối vận chuyển hoặc hủy chuyến bay hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài

Kiểm tra hồ sơ các trường hợp hủy chuyến bay hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài²¹³:

²⁰⁷ Thông tin bao gồm các nội dung sau: số hiệu chuyến bay, điểm đi, điểm đến, quầy làm thủ tục, thời gian khởi hành, hạ cánh dự kiến, cửa ra tàu bay đối với chuyến bay đi, băng chuyền hành lý đối với chuyến bay đến, thông tin chuyến bay bị chậm, gián đoạn, hủy chuyến.

²⁰⁸ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²⁰⁹ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²¹⁰ Nội dung quy định hình thức và mức kỷ luật đối với nhân viên có hành vi vi phạm quy định về thái độ khi trực tiếp tiếp xúc với hành khách.

²¹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²¹² Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

²¹³ BX: chuyến bay BX752 ngày 30/05/2025; RS: chuyến bay RS528 ngày 03/9/2025; OD: chuyến bay OD0503 ngày 25/05/2026, OD0503 ngày 01/05/2026; IT: chuyến bay IT552 ngày 13/01/2026; HX: chuyến bay HX549 ngày 01/08/2025, HX549 ngày 15/02/2026; HX549 ngày 15/02/2025 ZF: chuyến bay ZF2560 ngày 30/01/2026; 7C: chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025;

+ BX²¹⁴, RS²¹⁵, OD²¹⁶, IT²¹⁷, HX²¹⁸, KC²¹⁹ thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay trong trường hợp chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGVT²²⁰;

+ 7C²²¹ thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách có vé và đã được xác nhận chỗ trên chuyến bay đối với chuyến bay chậm kéo dài.

+ Các chuyến bay của ZE²²², RS²²³, TW²²⁴, IT²²⁵, YP²²⁶ thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư số 14/2015/TT-BGVT.

- Các hãng hàng không công bố công khai trên trang thông tin điện tử, tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh về các trường hợp được bồi thường ứng trước không hoàn lại, mức bồi thường, chi tiết phương thức và thời hạn bồi thường, địa chỉ cụ thể thực hiện việc bồi thường theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGVT²²⁷.

- Kiểm tra hồ sơ các chuyến bay bị hủy, bị chậm kéo dài²²⁸: OD, HX, RF, RF, IT, 7C, RS, ZE, BX, KC, TW thực hiện cung cấp thông tin cho Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR, Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, AHT, CRTC về nguyên nhân hủy chuyến bay, chuyến bay bị chậm kéo dài ngay sau khi có quyết định hủy hoặc sau khi xác định chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGVT²²⁹; YP cung cấp thông tin cho cảng HKQT Đà Nẵng, AHT về nguyên nhân hủy chuyến bay, chuyến bay bị chậm kéo dài ngay sau khi có quyết định hủy hoặc sau khi xác định chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGVT²³⁰.

²¹⁴ Chuyến bay BX752 ngày 30/05/2025.

²¹⁵ Chuyến bay RS528 ngày 03/9/2025.

²¹⁶ Chuyến bay OD0503 ngày 25/05/2026, OD0503 ngày 01/05/2026.

²¹⁷ Chuyến bay IT552 ngày 13/01/2026.

²¹⁸ Chuyến bay HX549 ngày 01/08/2025, HX549 ngày 15/02/2026.

²¹⁹ Chuyến bay KC158 ngày 29/08/2025, KC158 ngày 31/08/2025.

²²⁰ Sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư 21/2022/TT-BGTVT.

²²¹ Chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025.

²²² Chuyến bay ZE564 ngày 09/01/2025.

²²³ Chuyến bay RS528 ngày 29/01/2025, RS528 ngày 12/5/2026.

²²⁴ Chuyến bay TW156 ngày 08/2/2025, TW156 ngày 04/2/2025, TW156 ngày 09/01/2025, TW034 ngày 11/02/2026.

²²⁵ Chuyến bay IT586 ngày 09/8/2025.

²²⁶ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025, YP622 ngày 30/5/2026.

²²⁷ Sửa đổi, bổ sung bởi khoản 1 Điều 2 Thông tư 21/2022/TT-BGTVT.

²²⁸ ZE: 01 chuyến bay bị hủy ZE564 ngày 09/01/2025, 01 chuyến bay bị chậm kéo dài ZE564 ngày 12/1/2025.

BX: 01 chuyến bay bị chậm kéo dài BX752 ngày 30/05/2025.

RS: 02 chuyến bay bị chậm kéo RS528 ngày 29/1/2025 và RS528 ngày 03/9/2025, 01 chuyến bay bị hủy RS528 ngày 12/5/2025.

ZF: 01 chuyến bay bị chậm kéo dài ZF2560 ngày 30/01/2026.

TW: 01 chuyến bay bị hủy TW156 ngày 08/2/2025, 02 chuyến bay bị chậm kéo dài TW156 ngày 04/2/2025, TW156 ngày 09/01/2025.

KC: 02 chuyến bay bị chậm kéo dài KC158 ngày 29/08/2025, KC158 ngày 31/08/2025.

OD: 02 chuyến bay bị chậm kéo dài OD0503 ngày 01/05/2026, OD0503 ngày 25/05/2026.

IT: 01 chuyến bay bị hủy IT586 ngày 9/8/2025, 01 chuyến bay bị chậm kéo dài IT552 ngày 13/1/2026.

7C: 01 chuyến bay bị chậm kéo dài 7C2218 ngày 28/5/2025.

RF: 01 chuyến bay bị hủy RF532 ngày 08/02/2025, 01 chuyến bay bị chậm kéo dài RF532 ngày 10/1/2025.

YP: 01 chuyến bay bị chậm kéo dài YP622 ngày 26/1/2025.

HX: 03 chuyến bay hủy: HX545 ngày 08/03/2026, HX545 ngày 04/2/2026, HX547 ngày 08/5/2026; 02 chuyến bay bị chậm kéo dài: HX549 ngày 01/05/2025, HX 549 ngày 20/7/2025.

²²⁹ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²³⁰ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.



Trong thời kỳ thanh tra, 5J, LJ không có trường hợp hủy chuyến bay hoặc chuyến bay bị chậm kéo dài.

- RS²³¹, KC²³², OD²³³, 7C²³⁴, HX²³⁵ báo cáo đến Cảng vụ HKMT việc bồi thường ứng trước không hoàn lại đối với các chuyến bay theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²³⁶.

IT²³⁷, BX²³⁸ có báo cáo đến Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR việc bồi thường ứng trước không hoàn lại đối với chuyến bay.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, TW, 5J, RF, YP, LJ không có trường hợp phải thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại.

- Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không có trường hợp khiếu nại của hành khách bị từ chối vận chuyển, bị hủy chuyến hoặc bị chậm kéo dài.

- Các hãng hàng không ghi nhận địa chỉ liên hệ được hành khách cung cấp²³⁹ theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁴⁰.

Tồn tại:

- BX, IT báo cáo bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng theo mẫu của Phụ lục I Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁴¹.

- HX²⁴² không thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách khi chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁴³.

- YP²⁴⁴ không cung cấp thông tin cho Cảng vụ HKMT về nguyên nhân chuyến bay bị chậm chuyến kéo dài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁴⁵.

- 7C²⁴⁶ thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại đối với chuyến bay chậm kéo dài không đúng mức bồi thường²⁴⁷ theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁴⁸.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không BX, IT, HX, YP, 7C; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên đại diện CVHK-CXR trong việc kiểm tra, giám sát.

2.3.2. Miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp từ chối vận chuyển; Miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp hủy chuyến bay

²³¹ Chuyến bay RS528 ngày 03/9/2025

²³² Chuyến bay KC158 ngày 29/08/2025, KC158 ngày 31/08/2025.

²³³ Chuyến bay OD0503 ngày 25/05/2026, OD0503 ngày 01/05/2026.

²³⁴ Chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025.

²³⁵ Chuyến bay HX549 ngày 01/08/2025, HX549 ngày 15/02/2026.

²³⁶ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²³⁷ Chuyến bay IT552 13/01/2026.

²³⁸ Chuyến bay BX752 ngày 30/05/2025.

²³⁹ Số điện thoại di động, số điện thoại cố định, thư điện tử hoặc số điện thoại của người thân trong trường hợp không liên lạc được trực tiếp để cung cấp các thông tin về tình hình hủy chuyến, chuyến bay bị chậm kéo dài trước 24 giờ so với giờ khởi hành dự kiến làm cơ sở cho việc miễn trừ nghĩa vụ.

²⁴⁰ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²⁴¹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²⁴² Chuyến bay HX549 ngày 15/02/2025.

²⁴³ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²⁴⁴ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025.

²⁴⁵ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

²⁴⁶ Chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025 chậm kéo dài.

²⁴⁷ Quy định tại Điều 8 của Thông tư 14/2015/TT-BGTVT.

²⁴⁸ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

hoặc chuyển bay bị chậm kéo dài; Miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong các trường hợp khác

Các hãng hàng không quy định các trường hợp miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 5, 6, 7 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

Trong thời kỳ thanh tra, OD, HX, RF, 5J, LJ, 7C, ZF, BX, KC không có trường hợp miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp từ chối vận chuyển; các chuyến bay của ZE²⁴⁹, RS²⁵⁰, TW²⁵¹, IT²⁵², YP²⁵³ thuộc trường hợp miễn trừ nghĩa vụ của người vận chuyển trong trường hợp từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 5, Điều 6, Điều 7 Thông tư 14/2015/TT-BGTVT.

2.3.3. Mức bồi thường ứng trước không hoàn lại; Phương thức và thời hạn bồi thường ứng trước không hoàn lại

Kiểm tra hồ sơ bồi thường ứng trước không hoàn lại: BX²⁵⁴, OD²⁵⁵ thực hiện mức bồi thường ứng trước không hoàn lại theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT; bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách bằng các phương thức theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, ZF, TW, KC, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ không có trường hợp bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách.

Tồn tại:

- Đường bay Nha Trang – Bu San (CXR-PUS) chưa được công bố độ dài đường bay theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT. Tuy nhiên, Thông tư số 48/2026/TT-BXD (thay thế Thông tư số 14/2025/T-BGTVT) không quy định trách nhiệm công bố độ dài đường bay nội địa và quốc tế xuất phát từ Việt Nam.

- KC²⁵⁶, YP²⁵⁷ quy định mức bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT²⁵⁸. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, KC đã thực hiện khắc phục.

Theo quy định của Thông tư số 48/2026/TT-BXD, Cục HKVN không có trách nhiệm công bố độ dài đường bay nội địa và quốc tế xuất phát từ Việt Nam làm cơ sở cho việc tính mức tiền bồi thường ứng trước không hoàn lại theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về KC, YP; trách nhiệm của VTHK trong việc tham mưu công bố độ dài đường bay theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 43/QĐ-CHK ngày 10/3/2025.

2.4. Vận chuyển hàng hóa

ZE, RS, TW, 5J, OD, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ được Cục HKVN cấp FAOC cho phép thực hiện hoạt động vận chuyển hành khách và hàng hóa theo phạm vi được phê

²⁴⁹ Chuyến bay ZE564 ngày 09/01/2025.

²⁵⁰ Chuyến bay RS528 ngày 29/01/2025, RS528 ngày 12/5/2026.

²⁵¹ Chuyến bay TW156 ngày 08/2/2025, TW156 ngày 04/2/2025, TW156 ngày 09/01/2025, TW034 ngày 11/02/2026.

²⁵² Chuyến bay IT586 ngày 09/8/2025.

²⁵³ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025, YP622 ngày 30/5/2026.

²⁵⁴ Chuyến bay BX752 ngày 30/5/2025.

²⁵⁵ Chuyến bay OD0503 ngày 01/05/2026, OD0503 ngày 25/05/2026.

²⁵⁶ Mục 1.6.3.1.2 Tài liệu GOM: quy định mức bồi thường bằng 3% giá vé chặng bay.

²⁵⁷ Mục 12.4.3 Chương 12 Tài liệu APSM: quy định mức bồi thường bằng 20%/ giá vé chặng bay.

²⁵⁸ Thấp hơn mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

chuẩn. BX, ZF, KC không được Cục HKVN phê chuẩn thực hiện hoạt động vận chuyển hàng hóa.

Trong thời kỳ thanh tra, ZE, TW, RF không thực hiện vận chuyển hàng hóa trên các chuyến bay đến và đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

RS, 5J, OD, IT, 7C, YP, HX, LJ thực hiện vận chuyển hàng hóa trên các chuyến bay đến và đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

2.4.1. Hợp đồng vận chuyển hàng hóa; vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa; nội dung của vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa; vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa vận chuyển nhiều kiện hàng hóa

- Tài liệu vận chuyển hàng hóa

RS²⁵⁹, 5J²⁶⁰, OD²⁶¹, IT²⁶², 7C²⁶³, YP²⁶⁴, HX²⁶⁵, LJ²⁶⁶ đã ban hành các quy trình, tài liệu liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng hóa.

- Vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa

Các hãng hàng không RS²⁶⁷, 5J²⁶⁸, OD²⁶⁹, IT²⁷⁰, 7C²⁷¹, YP²⁷², HX²⁷³, LJ²⁷⁴ sử dụng vận đơn hàng không khi vận chuyển hàng hóa bằng đường hàng không theo quy định tại khoản 2 Điều 129 Luật HKDD Việt Nam; không sử dụng biên lai hàng hóa khi vận chuyển hàng hóa trong thời kỳ thanh tra.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không có trường hợp phải bồi thường cho người gửi hàng về thiệt hại do lỗi của mình, nhân viên, đại lý của mình gây ra do việc nhập không chính xác, không đầy đủ hoặc không đúng quy cách thông tin do người gửi hàng cung cấp vào các phương tiện lưu giữ thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 129 Luật HKDD Việt Nam.

- Kiểm tra vận đơn hàng không của các hãng hàng không²⁷⁵: nội dung của vận đơn

²⁵⁹ Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa (Cargo Handling Procedure).

²⁶⁰ Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa (Cargo Operation Manual).

²⁶¹ Quy trình phục vụ hàng hóa (Cargo service Manual (CSM)), Quy trình phục vụ hàng nguy hiểm (Dangerous Goods Manual-(DGM), Quy trình khai thác mặt đất (Ground Operations Manual - GOM).

²⁶² Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa (Cargo Services Manual).

²⁶³ Quy trình phục vụ hàng hóa (Cargo service Manual (CSM)), Quy trình phục vụ hàng nguy hiểm (Dangerous Goods Manual-(DGM), Quy trình khai thác mặt đất (Ground Operations Manual - GOM).

²⁶⁴ Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa, Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm, Quy định điều kiện vận chuyển đối với hàng hóa quốc tế (GENERAL CONDITIONS OFCARRIAGE FORINTERNATIONAL CARGO), Quy trình vận chuyển hàng hóa nhạy cảm về nhiệt độ, Quy trình vận hành tiêu chuẩn ULD; Tài liệu Aircraft Loading and Handling manual.

²⁶⁵ Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa (Cargo Services Manual).

²⁶⁶ Tài liệu Quy trình khai thác hàng hóa (Cargo Handling Regulation); Quy định Hàng nguy hiểm (Dangerous GoLJs Regulation); Hướng dẫn về NOTOC (NOTOC Operation Guideline); Quy trình khai thác ULD (ULD Management Regulation).

²⁶⁷ Chương 2 Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa.

²⁶⁸ Mục 5.2, 18.3 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

²⁶⁹ Mục 8.2 Tài liệu hướng dẫn phục vụ hàng hóa.

²⁷⁰ Chương 2 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

²⁷¹ Mục 4.5 Tài liệu hướng dẫn phục vụ hàng hóa.

²⁷² Mục 4.9.2 Tài liệu Quy trình xử lý hàng hóa của Chi nhánh Đà Nẵng.

²⁷³ Mục 3.1.6 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

²⁷⁴ Chương 5 Quy trình khai thác hàng hóa.

²⁷⁵ RS: Vận đơn hàng không số: 820 2004 8206, 820 2004 8210, 820 2004 8221, 820 2004 8335, 820 2004 8335.

5J: Vận đơn hàng không số: 203-0113 5680, 203-0113 5691, 203-0113 5702, 203-0113 5853, 203-0113 5890.

OD: Vận đơn hàng không số: 816-01941505, 816-01949964, 816-01950572, 816-01953184, 816-01956006.

IT: Vận đơn hàng không số: 608-2008 3302, 608-2008 4131, 608-2008 3766, 608-2008 3442, 608-2008 3895.

7C: Vận đơn hàng không số: 806-11849865, 806-11864790, 806-11876900, 806-11877003 và 806-11881376.

YP: Vận đơn hàng không số: 350-40022905, 350-40530442, 350-40023023, 350-40530416, 350-40530571.

HX: Vận đơn hàng không số: 828-1881 5543, 828-1881 5591, 828-1881 5672, 828-1881 5753, 828-1881 5775.

LJ: Vận đơn hàng không số: 718-30029392, 718-30028611, 718-30030151, 718-30028880, 718-30029090.

hàng không đủ các thông tin theo quy định theo Điều 130 Luật HKDD Việt Nam²⁷⁶.

- Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không lập vận đơn hàng không²⁷⁷ theo yêu cầu của người gửi hàng²⁷⁸ theo quy định tại khoản 3 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

Kiểm tra việc lập vận đơn hàng không của các hãng hàng không đối với các chuyến bay²⁷⁹: Vận đơn hàng không được HX, OD, IT lập thành ba bản chính²⁸⁰ theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

Tại thời điểm thanh tra RS, 5J, 7C, YP, LJ không thực hiện vận chuyển hàng hóa trên chuyến bay đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

- Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không có trường hợp lập vận đơn hàng không và biên lai hàng hóa riêng biệt cho từng kiện hàng hóa trong trường hợp vận chuyển nhiều kiện hàng hóa theo quy định tại Điều 133 Luật HKDD Việt Nam.

Tồn tại:

- Bản thứ nhất vận đơn hàng không của các hãng hàng không RS²⁸¹, 5J²⁸², OD²⁸³, YP²⁸⁴ không có chữ ký của người gửi hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

- Bản thứ ba vận đơn hàng không của YP²⁸⁵ không có chữ ký của người vận chuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không RS, 5J, OD, YP; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên đại diện CVHK-CXR trong việc kiểm tra, giám sát.

2.4.2. Các trường hợp hàng hóa bị từ chối vận chuyển; trả hàng hoá; từ chối nhận hàng hoặc hàng không có người nhận; thanh lý hàng hóa

- Các hãng hàng không quy định các trường hợp hàng hóa bị từ chối vận chuyển²⁸⁶ theo quy định tại Điều 134 Luật HKDD Việt Nam.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không không có trường hợp hàng hóa bị từ chối vận chuyển theo quy định tại Điều 134 Luật HKDD Việt Nam.

- Các hãng hàng không quy định việc trả hàng hóa tại các tài liệu quy trình liên quan đến vận chuyển hàng hóa²⁸⁷.

²⁷⁶ Địa điểm đi và địa điểm đến, trọng lượng hàng hóa, loại hàng hóa.

²⁷⁷ RS: Tổng đại lý chỉ định bán hàng hóa là Air Logistics Korea Ltd lập. 5J: Văn phòng đại diện Dynamic Air Cargo Co., Ltd tại thành phố Hồ Chí Minh lập. OD: Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ hàng không Viễn Đông lập. IT: Công ty TNHH ORIS Việt Nam lập. 7C: Công ty TTHH dịch vụ Á Châu lập. YP: Công ty AP Air Service Limited hợp đồng/ủy quyền cho công ty cổ phần giao nhận vận tải VICENTRANS lập. HX: Công ty Cổ phần Logistics Hàng không HXL lập. LJ: Công ty Hanjin Global Logistics Vietnam lập.

²⁷⁸ Được coi là hành động thay mặt người gửi hàng nếu không có sự chứng minh ngược lại.

²⁷⁹ Chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026; OD503 ngày 17/6/2026; IT552 ngày 18/6/2026.

²⁸⁰ Bản thứ nhất do người gửi hàng ký, được giao cho người vận chuyển. Bản thứ hai do người gửi hàng và người vận chuyển ký, được giao cho người nhận hàng. Bản thứ ba do người vận chuyển ký, được giao cho người gửi hàng sau khi nhận hàng.

²⁸¹ Vận đơn hàng không số: 820 2004 8206, 820 2004 8210, 820 2004 8221, 820 2004 8335, 820 2004 8335.

²⁸² Vận đơn hàng không số: 203-0113 5680, 203-0113 5691, 203-0113 5702, 203-0113 5853, 203-0113 5890.

²⁸³ Vận đơn hàng không số: 816-01941505, 816-01949964, 816-01950572, 816-01953184, 816-01956006.

²⁸⁴ Vận đơn hàng không số: 350-40022905, 350-40530442, 350-40023023, 350-40530416, 350-40530571.

²⁸⁵ Các vận đơn hàng không số: 350-40022905, 350-40530442, 350-40023023, 350-40530416, 350-40530571.

²⁸⁶ RS: mục 2.1 Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa; 5J: mục 6.1 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; OD: mục 4.11.1 Tài liệu Hướng dẫn phục vụ hàng hóa; IT: mục 1.2 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; 7C: mục 3.1, 3.2 Tài liệu Hướng dẫn phục vụ hàng hóa; YP: mục 4.2.3, 4.2.4 Tài liệu Quy định điều kiện vận chuyển hàng quốc tế, mục 7.3.2, 7.4.2, 7.3.5 tài liệu CHM; HX: chương 3 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; LJ: Mục 3.3.1; 3.8 tài liệu CRR; 7.9.2.1 tài liệu CHR.

²⁸⁷ RS: mục 3.2 (B) Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa; 5J: mục 6.8 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; OD: mục 4.11 Tài liệu hướng dẫn vận chuyển hàng hóa; IT: mục 6.3.6 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng



Kiểm tra hồ sơ trả hàng hóa của các hãng hàng không 5J²⁸⁸, OD²⁸⁹, 7C²⁹⁰, YP²⁹¹, HX²⁹², LJ²⁹³: VIAGS thông báo cho người nhận hàng đối với hàng hóa của các hãng hàng không 5J, 7C; SAGS-DAD thông báo cho người nhận hàng đối với hàng hóa của các hãng hàng không OD, YP, HX.

hóa; 7C: mục 8.2, 8.4 Tài liệu hướng dẫn vận chuyển hàng hóa; YP: mục 4.5.1 Tài liệu Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; HX: mục 8.7 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; LJ: mục 11.6, 13.11.1.1, 13.11.1.2 Tài liệu CHR.

²⁸⁸ Lô hàng có vận đơn:

+ 203-00808006 chuyến bay 5J5756 ngày 17/01/2026 hạ cánh lúc 21 giờ 41, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 08 giờ 59 ngày 18/01/2026;

+ 203-71192626 chuyến bay 5J5756 ngày 28/04/2026 hạ cánh lúc 21 giờ 30, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 07 giờ 28 ngày 29/4/2026.

²⁸⁹ Lô hàng có vận đơn:

+ 816-1920800 chuyến bay OD502 ngày 4/3/2026 hạ cánh lúc 12 giờ 20, SAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 15 giờ 00 ngày 4/3/2026;

+ 816-01921430 OD502 ngày 5/3/2026 hạ cánh lúc 12 giờ 10, SAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 13 giờ 20 ngày 5/3/2026;

+ 816-01924680 SAGS chuyến bay OD502 ngày 19/4/2026 hạ cánh lúc 12 giờ 10, SAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 14 giờ 00 ngày 19/4/2026.

²⁹⁰ Lô hàng có vận đơn:

+ 806-11868706 chuyến bay 7C2211 hạ cánh lúc 11 giờ 55 ngày 2/5/2026, Viags thông báo cho người nhận hàng lúc 5:05 PM ngày 2/5/2026;

+ 806-11861393, chuyến bay hạ cánh lúc 00 giờ 25 LT ngày 03/4/2026, Viags thông báo cho người nhận hàng lúc 08 giờ 20 ngày 03/4/2026;

+ 806-11858184 chuyến bay 7C2211 hạ cánh lúc 00 giờ 18 LT ngày 26/2/2026, Viags thông báo cho người nhận hàng lúc 04 giờ 52 ngày 26/2/2026;

+ 806-11859444 chuyến bay 7C2211 ngày 7/3/2026 hạ cánh lúc 13 giờ 50 LT, Viags thông báo cho người nhận hàng lúc 19 giờ 08 ngày 7/3/2026;

+ 806-11841480 chuyến bay 7C2211 ngày 07/1/2026 hạ cánh lúc 13 giờ 25 LT, Viags thông báo cho người nhận hàng lúc 17 giờ 08 ngày 7/1/2026.

²⁹¹ Lô hàng có vận đơn:

+ 350-36130920 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 23 LT ngày 28/3/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 30/3/2026;

+ 350-36131001 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 46 LT ngày 04/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 06/4/2026;

+ 350-36043405 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 44 LT ngày 11/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 350-36075513 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026;

+ 350-39000942 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026.

²⁹² Lô hàng có vận đơn:

+ 828-56640754 chuyến bay HX548 ngày 26/02/2026 hạ cánh lúc 1606 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 27/02/2026;

+ 828-56574932 chuyến bay HX548 ngày 20/01/2026 hạ cánh lúc 1630 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 21/01/2026;

+ 828-56717345 chuyến bay HX548 ngày 11/3/2026 hạ cánh lúc 1604 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/3/2026;

+ 828-18759786 chuyến bay HX546 ngày 11/4/2026 hạ cánh lúc 1941 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 828-18852956 chuyến bay HX546 ngày 10/5/2026 hạ cánh lúc 1947 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 15/5/2026.

²⁹³ Lô hàng có vận đơn:

+ 718-00000431 chuyến bay LJ801 hạ cánh lúc 13 giờ 02 LT ngày 02/2/2026, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 14 giờ 35 ngày 02/02/2026;

+ 718-10498876 chuyến bay LJ801 hạ cánh lúc 12 giờ 50 ngày 23/1/2026, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 15 giờ 50 ngày 23/01/2026;

+ 718-10498692 chuyến bay hạ cánh lúc 12 giờ 53 ngày 21/2/2026, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 15 giờ 05 ngày 21/2/2026;

+ 718-10521501 chuyến bay LJ801 hạ cánh lúc 12 giờ 50 ngày 28/1/2026, VIAGS thông báo cho người nhận hàng lúc 21 giờ 34 ngày 28/01/2026.

Trong thời kỳ thanh tra RS, IT không vận chuyển hàng hóa trên các chuyến bay đến Cảng HKQT Cam Ranh, Đà Nẵng.

- Các hãng hàng không quy định việc từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng tại các tài liệu quy trình liên quan đến vận chuyển hàng hóa²⁹⁴. Trong thời kỳ thanh tra IT không vận chuyển hàng hóa trên các chuyến bay đến Cảng HKQT Đà Nẵng.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không RS, 5J, OD, IT, 7C, YP, HX, LJ không có trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng.

- Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không RS, 5J, OD, IT, 7C, YP, HX, LJ không có trường hợp người gửi hàng thực hiện quyền khiếu nại người vận chuyển theo quy định tại Điều 170 Luật HKDD Việt Nam.

- Các hãng hàng không quy định việc thanh lý hàng hóa tại các tài liệu quy trình liên quan đến vận chuyển hàng hóa²⁹⁵.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không RS, 5J, OD, IT, 7C, YP, HX, LJ không có trường hợp phải thực hiện thủ tục thanh lý hàng hóa.

Tồn tại:

- 5J không quy định người vận chuyển phải thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

- Các hãng hàng không 5J, IT, YP không quy định người vận chuyển có nghĩa vụ cất giữ hàng hóa và thông báo cho người gửi hàng, chi phí phát sinh do việc cất giữ hàng hóa trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng theo quy định tại Điều 140 Luật HKDD Việt Nam.

- 5J, OD, IT, YP không quy định việc thanh lý hàng hóa²⁹⁶ theo quy định tại Điều 142 Luật HKDD Việt Nam.

- HX không thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với 05 lô hàng hóa²⁹⁷ theo quy định tại mục 8.7.1 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.

²⁹⁴ RS: mục 3.2 (E) Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa; 5J: mục 14 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; OD: mục 4.14.2.2 Tài liệu hướng dẫn vận chuyển hàng hóa; 7C: mục 10.4 Tài liệu CSM và mục 3 Điều 10 tài liệu Điều kiện vận chuyển hàng hóa quốc tế; YP: mục 7.3 Tài liệu Quy định điều kiện vận chuyển hàng quốc tế; HX: mục 8.10 và chương 9 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa; LJ: mục 13.12 Tài liệu CHR, mục 9.4 Điều lệ vận chuyển hàng hóa.

²⁹⁵ RS: mục 3.2 (E) Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa; 5J: mục 14 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.; OD: mục 4.14.2.2 c, 9.1.9.4 Tài liệu khai thác hàng hóa; 7C: mục 8.4, 10.4 Tài liệu CSM.; YP: mục 7.3 Tài liệu Quy định điều kiện vận chuyển hàng hóa quốc tế; HX: Mục 1.3 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa; LJ: mục 9.4, 9.5 Điều lệ vận chuyển. Mục 17 Điều lệ vận chuyển, mục 15.3.12.4 tài liệu CHR.

²⁹⁶ 1. Hàng hóa được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hóa mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.

2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

²⁹⁷ Lô hàng có vận đơn:

+ 828-56640754 chuyến bay HX548 ngày 26/02/2026 hạ cánh lúc 1606 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 27/02/2026;

+ 828-56574932 chuyến bay HX548 ngày 20/01/2026 hạ cánh lúc 1630 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 21/01/2026;

+ 828-56717345 chuyến bay HX548 ngày 11/3/2026 hạ cánh lúc 1604 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/3/2026;

YP không thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với 05 lô hàng hóa²⁹⁸ theo quy định tại mục 3.3 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.

Nhân viên SAGS-DAD không thực hiện đúng quy định thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với 05 lô hàng hóa của HX²⁹⁹ theo quy định tại mục 8.7.1 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa của HX; 05 lô hàng hóa của YP³⁰⁰ theo quy định tại mục 3.3 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa của YP và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các hãng hàng không 5J, OD, IT, YP, HX; trách nhiệm của nhân viên SAGS-DAD trong việc trả hàng hóa của HX, YP; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT trong việc kiểm tra, giám sát.

2.4.3. Việc tuân thủ quy định của ICAO (Phụ ước 18 - Annex 18, Doc 9284) về vận chuyển hàng nguy hiểm

2.4.3.1. Yêu cầu phê chuẩn; Phê chuẩn Chương trình huấn luyện hàng nguy hiểm; Lưu hồ sơ

- Các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ được Cục HKVN phê chuẩn thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm theo năng định khai thác cho người

+ 828-18759786 chuyến bay HX546 ngày 11/4/2026 hạ cánh lúc 1941 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 828-18852956 chuyến bay HX546 ngày 10/5/2026 hạ cánh lúc 1947 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 15/5/2026.

²⁹⁸ Lô hàng có vận đơn:

+ 350-36130920 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 23 LT ngày 28/3/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 30/3/2026;

+ 350-36131001 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 46 LT ngày 04/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 06/4/2026;

+ 350-36043405 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 44 LT ngày 11/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 350-36075513 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026;

+ 350-39000942 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026.

²⁹⁹ Lô hàng có vận đơn:

+ 828-56640754 chuyến bay HX548 ngày 26/02/2026 hạ cánh lúc 1606 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 27/02/2026;

+ 828-56574932 chuyến bay HX548 ngày 20/01/2026 hạ cánh lúc 1630 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 21/01/2026;

+ 828-56717345 chuyến bay HX548 ngày 11/3/2026 hạ cánh lúc 1604 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/3/2026;

+ 828-18759786 chuyến bay HX546 ngày 11/4/2026 hạ cánh lúc 1941 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 828-18852956 chuyến bay HX546 ngày 10/5/2026 hạ cánh lúc 1947 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 15/5/2026.

³⁰⁰ Lô hàng có vận đơn:

+ 350-36130920 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 23 LT ngày 28/3/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 30/3/2026;

+ 350-36131001 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 46 LT ngày 04/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 06/4/2026;

+ 350-36043405 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 44 LT ngày 11/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 350-36075513 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026;

+ 350-39000942 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026.

khai thác tàu bay nước ngoài kèm theo FAOC. BX, ZF, KC, OD không được Cục HKVN phê chuẩn thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ không thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm đi, đến Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

Các hãng hàng không ZE³⁰¹, RS³⁰², TW³⁰³, 5J³⁰⁴, IT³⁰⁵, 7C³⁰⁶, RF³⁰⁷, YP³⁰⁸, HX³⁰⁹, LJ³¹⁰ đã ban hành Tài liệu hàng nguy hiểm.

- Huấn luyện hàng nguy hiểm

Các hãng hàng không ZE³¹¹, RS³¹², TW³¹³, 5J³¹⁴, IT³¹⁵, 7C³¹⁶, RF³¹⁷, YP³¹⁸, HX³¹⁹, LJ³²⁰ quy định huấn luyện hàng nguy hiểm tại Tài liệu hàng nguy hiểm.

Kiểm tra hồ sơ huấn luyện hàng nguy hiểm của các nhân viên ZE, RS, TW, RF, HX tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh³²¹: các nhân viên được đào tạo ban đầu và định kỳ đầy đủ theo quy định tại mục 4.10, chương 4, phần 7, Tài liệu Doc 9284 phiên bản 2025-2026.

Kiểm tra hồ sơ huấn luyện hàng nguy hiểm của các nhân viên AGS phục vụ hành khách chuyến bay của ZE³²², RS³²³, SAGS-CXR phục vụ hành khách chuyến bay của TW³²⁴, SAGS-DAD phục vụ hành khách chuyến bay của OD³²⁵, RF³²⁶, YP³²⁷, HX³²⁸, VIAGS phục vụ hành khách chuyến bay 5J³²⁹, IT³³⁰, 7C³³¹, LJ³³²: các nhân viên được đào tạo ban đầu và định kỳ đầy đủ theo quy định tại mục 4.10, chương 4, phần 7, Tài liệu Doc 9284.

- Lưu giữ tài liệu hoặc thông tin

³⁰¹ Tài liệu Dangerous Goods Manual.

³⁰² Chương 5 Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa.

³⁰³ Tài liệu Dangerous Goods Manual.

³⁰⁴ Chương 20 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

³⁰⁵ Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm (Dangerous Goods Operation Manual); chương 11, 12, 13, 14 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa

³⁰⁶ Chương 6 Tài liệu phục vụ hàng hóa và Tài liệu vận chuyển hàng nguy hiểm (Dangerous Goods Manual).

³⁰⁷ Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm.

³⁰⁸ Tài liệu hướng dẫn phục vụ hàng hóa, Tài liệu phục vụ hàng hóa nguy hiểm.

³⁰⁹ Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa (Cargo Services Manual) và tài liệu Dangerous Goods Emergency Response Guidance (DGERG).

³¹⁰ Tài liệu Quy trình khai thác hàng hóa (Cargo Handling Regulation); Quy định Hàng nguy hiểm (Dangerous GoLJs Regulation).

³¹¹ Chương 2 Tài liệu hàng nguy hiểm.

³¹² Mục 8.2.7 chương 8 Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa.

³¹³ Chương 2, chương 13 Tài liệu hàng nguy hiểm.

³¹⁴ Tài liệu hướng dẫn đào tạo hàng hóa (Cargo Training Manual (CTM)).

³¹⁵ Chương 2 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm.

³¹⁶ Chương 14 Tài liệu hướng dẫn phục vụ hàng hóa, mục 14.1 Tài liệu DGM.

³¹⁷ Chương 2 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm.

³¹⁸ Mục 2.4.4 Tài liệu hướng dẫn phục vụ hàng hóa nguy hiểm.

³¹⁹ Chương 13 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

³²⁰ Mục 1.6.3 Tài liệu Quy trình khai thác hàng hóa.

³²¹ ZE: 04 nhân viên, RS: 03 nhân viên, TW: 03 nhân viên, RF: 03 nhân viên, HX: 02 nhân viên.

³²² Chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026.

³²³ Chuyến bay RS528 ngày 05/6/2026.

³²⁴ Chuyến bay TW034 ngày 09/6/2026.

³²⁵ Chuyến bay OD503 ngày 17/6/2026.

³²⁶ Chuyến bay RF532 ngày 25/6/2026.

³²⁷ Chuyến bay YP622 ngày 25/6/2026.

³²⁸ Chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026.

³²⁹ Chuyến bay 5J5757 ngày 15/6/2026.

³³⁰ Chuyến bay IT586 ngày 18/6/2026.

³³¹ Chuyến bay 7C2212 ngày 22/6/2026.

³³² Chuyến bay LJ082 ngày 30/6/2026.



Các hãng hàng không ZE³³³, RS³³⁴, TW³³⁵, 5J³³⁶, IT³³⁷, 7C³³⁸, RF³³⁹, YP³⁴⁰, HX³⁴¹, LJ³⁴² quy định việc lưu trữ hồ sơ hàng nguy hiểm tại Tài liệu hàng nguy hiểm.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ không thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm đi, đến Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

2.4.3.2. Trách nhiệm của người khai thác

- Các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ quy định trách nhiệm của người khai thác về: chấp nhận vận chuyển hàng nguy hiểm; danh mục kiểm tra chấp nhận hàng nguy hiểm; chất xếp và lưu giữ hàng nguy hiểm; kiểm tra hư hỏng hoặc rò rỉ; hạn chế chất xếp hàng nguy hiểm trong khoang hành khách hoặc buồng lái; loại bỏ nhiễm bẩn; tách biệt và phân cách; cố định tải hàng nguy hiểm; chất xếp trên tàu bay chở hàng tại Tài liệu hàng nguy hiểm.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ không thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm đi, đến Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

2.4.3.3. Cung cấp thông tin

- Các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ quy định cung cấp thông tin của người khai thác về: thông tin cung cấp cho cơ trường; thông tin và hướng dẫn cho thành viên tổ lái; thông tin cho hành khách; thông tin cho những người khác; cung cấp thông tin cho nhân viên tại điểm chấp nhận hàng; thông tin từ cơ trường đến cơ quan có thẩm quyền tại sân bay; thông tin trong trường hợp tai nạn hoặc sự cố tàu bay; Thông tin ứng phó khẩn nguy tại Tài liệu hàng nguy hiểm.

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không ZE, RS, TW, 5J, IT, 7C, RF, YP, HX, LJ không thực hiện vận chuyển hàng nguy hiểm đi, đến Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

Kiểm tra việc cung cấp thông tin về vận chuyển hàng nguy hiểm cho hành khách các chuyến bay của ZE³⁴³, RS³⁴⁴, TW³⁴⁵, OD³⁴⁶, RF³⁴⁷, YP³⁴⁸, HX³⁴⁹, 5J³⁵⁰, IT³⁵¹, 7C³⁵², LJ³⁵³: các hãng hàng không thực hiện thông báo cho hành khách thông tin về hàng hóa nguy hiểm bị cấm mang lên tàu bay cho hành khách tại các khu vực quầy làm thủ tục và tại cửa khởi hành lên tàu bay bằng hình thức đặt bảng thông báo; nhân viên làm thủ tục

³³³ Mục 7.6 Tài liệu hàng nguy hiểm.

³³⁴ Mục 5.5.2 Tài liệu quy trình vận chuyển hàng hóa.

³³⁵ Mục 5.4 Tài liệu hàng nguy hiểm.

³³⁶ Mục 20.2.5, phần E Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

³³⁷ Chương 1, chương 6 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm.

³³⁸ Mục 5.5.2 Tài liệu khai thác hàng hóa nguy hiểm.

³³⁹ Mục 4.5 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng nguy hiểm.

³⁴⁰ Mục 3.6.4 Tài liệu quy định điều kiện khai thác hàng hóa.

³⁴¹ Mục 6.26 Tài liệu hướng dẫn khai thác hàng hóa.

³⁴² Mục 6.1.3.1 Tài liệu Quy định Hàng nguy hiểm.

³⁴³ Chuyến bay ZE562 ngày 02/6/2026.

³⁴⁴ Chuyến bay RS528 ngày 05/6/2026.

³⁴⁵ Chuyến bay TW034 ngày 09/6/2026.

³⁴⁶ Chuyến bay OD503 ngày 17/6/2026.

³⁴⁷ Chuyến bay RF532 ngày 25/6/2026.

³⁴⁸ Chuyến bay YP622 ngày 25/6/2026.

³⁴⁹ Chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026.

³⁵⁰ Chuyến bay 5J5757 ngày 15/6/2026.

³⁵¹ Chuyến bay IT586 ngày 18/6/2026.

³⁵² Chuyến bay 7C2212 ngày 22/6/2026.

³⁵³ Chuyến bay LJ082 ngày 30/6/2026.

check-in của các đơn vị phục vụ mặt đất AGS, SAGS-CXR, SAGS-DAD, VIAGS đã hướng dẫn, yêu cầu hành khách xác nhận không mang theo hàng hóa nguy hiểm không được phép trong hành lý theo quy định tại mục 5.2 Tài liệu Doc 9284.

2.4.4. Khai thác, vận chuyển hàng hóa các chuyến bay

- Các hãng hàng không RS, 5J, OD, IT, 7C, YP, HX, LJ đã xây dựng các quy trình khai thác, vận chuyển hàng hóa xuất; khai thác, vận chuyển hàng hóa nhập và triển khai đến các đơn vị có liên quan trong việc khai thác vận chuyển hàng hóa.

- AGS³⁵⁴ có thỏa thuận/hợp đồng với RS; SAGS-DAD³⁵⁵ có thỏa thuận/hợp đồng với OD, YP, HX; VIAGS³⁵⁶ có thỏa thuận/hợp đồng với 5J, IT, 7C, LJ cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất liên quan đến vận chuyển hàng hóa bao gồm các dịch vụ: quản lý và giám sát hoạt động phục vụ chuyến bay; phục vụ hàng hóa và bưu gửi; phục vụ tàu bay; vận chuyển mặt đất.

- Kiểm tra thực tế quá trình khai thác, phục vụ hàng hóa các chuyến bay của OD, IT, 7C, YP, HX³⁵⁷: SAGS-DAD tuân thủ quy định của các hãng hàng không OD, YP, HX; VIAGS tuân thủ quy định của các hãng hàng không IT, 7C trong quá trình phục vụ hàng hóa.

Tại thời điểm thanh tra, RS, 5J, LJ không khai thác vận chuyển hàng hóa trên các chuyến bay đi/đến cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh.

2.5. Báo cáo hoạt động và số liệu vận chuyển

Các hãng hàng không HX, RF, YP, 7C, RS, ZE, BX, TW, OD báo cáo Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR số liệu vận chuyển từng chuyến bay trong ngày tại cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh (hàng tuần) theo Mẫu PVMĐ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁵⁸: số liệu từ thứ Tư tuần trước đến thứ Ba tuần này, báo cáo trước 15 giờ 00 ngày thứ Tư hàng tuần quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁵⁹.

LJ báo cáo Cảng vụ HKMT số liệu vận chuyển từng chuyến bay trong ngày tại cảng HKQT Đà Nẵng (hàng tuần) theo Mẫu PVMĐ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁶⁰.

VIAGS báo cáo Cảng vụ HKMT số liệu vận chuyển từng chuyến bay trong ngày của 5J, IT tại Cảng HKQT Đà Nẵng; DHT báo cáo đại diện CVHK-CXR số liệu vận chuyển từng chuyến bay trong ngày của KC tại Cảng HKQT Cam Ranh; Tân Sen báo cáo đại diện CVHK-CXR số liệu vận chuyển từng chuyến bay trong ngày của ZF tại Cảng HKQT Cam Ranh theo Mẫu PVMĐ ban hành kèm theo Thông tư số 33/2016/TT-

³⁵⁴ AGS được Cục HKVN cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (cảng HKQT Cam Ranh) trong đó có dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.

³⁵⁵ SAGS được Cục HKVN cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (cảng HKQT Đà Nẵng) trong đó có dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.

³⁵⁶ VIAGS được Cục HKVN cấp Giấy phép cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay (cảng HKQT Đà Nẵng) trong đó có dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.

³⁵⁷ OD: chuyến bay OD503 ngày 17/6/2026. IT: chuyến bay IT552 ngày 18/6/2026. 7C: chuyến bay 7C2212 ngày 23/6/2026. YP: chuyến bay YP622 ngày 25/6/2026. HX: chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026.

³⁵⁸ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

³⁵⁹ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

³⁶⁰ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.



BGTVT³⁶¹: số liệu từ thứ Tư tuần trước đến thứ Ba tuần này, báo cáo trước 15 giờ 00 ngày thứ Tư hàng tuần quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁶².

Kiểm tra báo cáo số liệu vận chuyển của các hãng hàng không³⁶³: Các hãng hàng không HX, RF, YP, 7C, RS, ZE, BX, TW, IT, 5J, ZF, KC thực hiện báo cáo đầy đủ theo quy định.

Tồn tại:

- Thời kỳ báo cáo số liệu vận chuyển hàng không của OD³⁶⁴, mẫu báo cáo của OD³⁶⁵ không đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁶⁶.

- Thời kỳ báo cáo số liệu vận chuyển hàng không của LJ³⁶⁷ không đúng theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT³⁶⁸.

Tồn tại trên trách nhiệm thuộc về các OD, LJ; trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên Cảng vụ HKMT trong việc theo dõi, tiếp nhận báo cáo.

3. Kết quả các đợt kiểm tra, giám sát của Cục HKVN và việc thực hiện những chỉ đạo của Cục HKVN

Theo báo cáo của các hãng hàng không nước ngoài, trong thời kỳ thanh tra Cục HKVN, Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR không thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các hãng hàng không nước ngoài³⁶⁹ hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh trong việc chấp hành các quy định của pháp luật³⁷⁰.

III. KẾT LUẬN

1. Kết quả đạt được

Trong thời kỳ thanh tra, các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh chấp hành tương đối đầy đủ các quy định của pháp luật HKDD Việt Nam.

- Về lĩnh vực khai thác tàu bay: các hãng hàng không được Cục HKVN công nhận FAOC, phê chuẩn năng định khai thác cho người khai thác tàu bay nước ngoài, khai thác các chuyến bay thường lệ theo phép bay mùa được cấp, các chuyến bay không thường lệ theo phép bay được cấp; khai thác các chuyến bay an toàn.

³⁶¹ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

³⁶² Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

³⁶³ ZE: tuần từ 13/5/2026- 19/5/2026; BX: tuần từ 13/5/2026- 19/5/2026; RS: tuần từ 13/5/2026- 19/5/2026; ZF: tuần từ 13/5/2026- 19/5/2026; TW: tuần từ 27/5/2026- 02/6/2026; KC: tuần từ 13/5/2026- 19/5/2026; 5J: tuần từ 10/6/2026- 16/6/2026; OD: tuần từ 23/4/2026- 29/4/2026; IT: tuần từ 10/6/2026- 16/6/2026; 7C: tuần từ 10/6/2026-16/6/2026; RF: tuần từ 10/6/2026- 16/6/2026; YP: tuần từ 10/6/2026 - 16/6/2026; HX: tuần từ 17/6/2026- 23/6/2026; LJ: tuần từ 26/3/2026 đến 01/4/2026.

³⁶⁴ Số liệu từ thứ năm tuần trước đến thứ tư tuần này: báo cáo tuần từ 23/4/2026 đến 29/4/2026.

³⁶⁵ Thiếu thời hạn gửi báo cáo, thừa 02 cột số liệu Total Traffic Payload, Before LMC.

³⁶⁶ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT.

³⁶⁷ Số liệu từ thứ năm tuần trước đến thứ tư tuần này: báo cáo tuần từ 26/3/2026 đến 01/4/2026.

³⁶⁸ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

³⁶⁹ OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW.

³⁷⁰ Giám sát an toàn đối với người khai thác nước ngoài, Chất lượng dịch vụ hàng khách tại cảng hàng không và bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; Vận chuyển hàng hóa.

- Về chất lượng dịch vụ hàng khách tại cảng hàng không và bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không: các hãng hàng không ban hành, tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không; thực hiện tương đối đầy đủ các quy định về bồi thường ứng trước trước không hoàn lại.

- Về lĩnh vực khai thác, vận chuyển hàng hóa: các hãng hàng không đã xây dựng, ban hành các tài liệu, quy trình liên quan đến hoạt động vận chuyển hàng hóa và triển khai đến các đơn vị có liên quan; đảm bảo an toàn trong hoạt động khai thác, vận chuyển hàng hóa, vận chuyển hàng nguy hiểm.

2. Tồn tại, hạn chế, vi phạm

Bên cạnh những kết quả đạt được, các hãng hàng không được thanh tra còn có tồn tại, hạn chế, vi phạm trong hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh đã nêu tại Mục II Kết luận này, cụ thể như sau:

2.1. Tồn tại, hạn chế

2.1.1. ZE

- ZE không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Cam Ranh - APP/TWR Cam Ranh) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- ZE không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Cam Ranh đối với chặng bay CXR-ICN theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, ZE³⁷¹ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

- ZE không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- ZE không thực hiện thông báo thông tin giờ đóng cửa lên tàu bay theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- ZE thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay³⁷² không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.1.2. BX

- BX không quy định tàu bay phải được chèn bánh, cài phanh, chằng néo trong trường hợp tốc độ gió vượt quá 20m/s (75 km/h) theo quy định tại Điều 62 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

- BX không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Cam Ranh đối với chặng bay CXR-PUS, CXR-ICN theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, BX³⁷³ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

³⁷¹ Văn bản số 3360/CHK-VTHK ngày 16/6/2026.

³⁷² Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

³⁷³ Văn bản số 3142/CHK-VTHK ngày 05/6/2026.

- BX không ban hành quy trình phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác phục vụ hành khách theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT³⁷⁴.

- BX không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- BX thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay³⁷⁵ không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- BX báo cáo bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng theo mẫu của Phụ lục I Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT³⁷⁶.

2.1.3. RS

- RS lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay³⁷⁷ thiếu “Các trang nhật ký kỹ thuật tàu bay chứa đựng các xác nhận hoàn thành bảo dưỡng áp dụng cho chuyến bay đi” theo quy định tại khoản a Điều 22.150 VAR; Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- RS không thực hiện thông báo ngay cho Người khai thác cảng hàng không, sân bay (Cảng HKQT Cam Ranh), cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm ARO/AIS Cam Ranh, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Cam Ranh - APP/TWR Cam Ranh) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- RS không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Cam Ranh đối với chặng bay CXR-ICN theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, RS³⁷⁸ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

- RS không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- RS không thực hiện thông báo thông tin giờ đóng cửa lên tàu bay theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- RS thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay³⁷⁹ không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- Bản thứ nhất vận đơn hàng không của các hãng hàng không RS³⁸⁰ không có chữ ký của người gửi hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

³⁷⁴ Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25 tháng 8 năm 2017.

³⁷⁵ Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

³⁷⁶ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

³⁷⁷ 05 chuyến bay: RS528 ngày 27/5/2026; RS528 ngày 28/5/2026; RS528 ngày 29/5/2026; RS528 ngày 30/5/2026; RS528 ngày 31/5/2026.

³⁷⁸ Văn bản số 3792/CHK-VTHK ngày 03/7/2026.

³⁷⁹ Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

³⁸⁰ Vận đơn hàng không số: 820 2004 8206, 820 2004 8210, 820 2004 8221, 820 2004 8335, 820 2004 8335.

2.1.4. ZF

ZF³⁸¹ công bố thời gian đóng quầy không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2014/TT-BGTVT³⁸².

2.1.5. TW

- TW³⁸³ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ³⁸⁴ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- TW không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Cam Ranh - APP/TWR Cam Ranh) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

2.1.6. KC

KC³⁸⁵ quy định mức bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT³⁸⁶. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, KC đã thực hiện khắc phục.

2.1.7. 5J

- 5J không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- 5J không báo cáo Cục HKVN, Cảng vụ HKMT, Cảng HKQT Đà Nẵng vụ việc tàu bay va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi theo quy định về báo cáo an toàn hàng không theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

- 5J không báo cáo Cục HKVN bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay theo quy định tại Điều 81 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT³⁸⁷.

- Bản thứ nhất vận đơn hàng không của các hãng hàng không 5J³⁸⁸ không có chữ ký của người gửi hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

- 5J không quy định người vận chuyển phải thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến theo quy định tại khoản 1 Điều 136 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam.

- 5J không quy định người vận chuyển có nghĩa vụ cất giữ hàng hóa và thông báo cho người gửi hàng, chi phí phát sinh do việc cất giữ hàng hóa trong trường hợp người

³⁸¹ Quy định tại Tài liệu GOM thời gian đóng quầy đối với các chuyến bay quốc tế là 40 phút trước giờ khởi hành.

³⁸² Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

³⁸³ 05 chuyến bay: TW034 ngày 17/11/2025; TW034 ngày 08/01/2026; TW034 ngày 03/4/2026; TW042 ngày 14/5/2026; TW046 ngày 03/01/2026.

³⁸⁴ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

³⁸⁵ Mục 1.6.3.1.2 Tài liệu GOM: quy định mức bồi thường bằng 3% giá vé chặng bay.

³⁸⁶ Thấp hơn mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

³⁸⁷ Mẫu số 03 (2.2) của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

³⁸⁸ Vận đơn hàng không số: 203-0113 5680, 203-0113 5691, 203-0113 5702, 203-0113 5853, 203-0113 5890.



nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng theo quy định tại Điều 140 Luật HKDD Việt Nam.

- 5J không quy định việc thanh lý hàng hóa³⁸⁹ theo quy định tại Điều 142 Luật HKDD Việt Nam.

2.1.8. OD

- OD không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Thông báo tin tức hàng không Đà Nẵng - ARO/AIS Đà Nẵng, Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 của OD không đúng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII³⁹⁰ Thông tư 81/2014/TT-GTGT³⁹¹.

- OD không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-KUL theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTGT.

- OD không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTGT.

- Bản thứ nhất vận đơn hàng không của các hãng hàng không OD³⁹² không có chữ ký của người gửi hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.

- OD không quy định việc thanh lý hàng hóa³⁹³ theo quy định tại Điều 142 Luật HKDD Việt Nam.

- Thời kỳ báo cáo số liệu vận chuyển hàng không của OD³⁹⁴, mẫu báo cáo của OD³⁹⁵ không đúng theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTGT³⁹⁶.

³⁸⁹ 1. Hàng hóa được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hóa mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.

2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

³⁹⁰ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 28/2023/TT-BGTGT.

³⁹¹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTGT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTGT.

³⁹² Vận đơn hàng không số: 816-01941505, 816-01949964, 816-01950572, 816-01953184, 816-01956006.

³⁹³ 1. Hàng hóa được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hóa mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.

2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

³⁹⁴ Số liệu từ thứ năm tuần trước đến thứ tư tuần này: báo cáo tuần từ 23/4/2026 đến 29/4/2026.

³⁹⁵ Thiếu thời hạn gửi báo cáo, thừa 02 cột số liệu Total Traffic Payload, Before LMC.

³⁹⁶ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TTBGTGT.

2.1.9. IT

- IT không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- IT báo cáo bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng theo mẫu của Phụ lục I Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT³⁹⁷.

- IT không quy định người vận chuyển có nghĩa vụ cất giữ hàng hóa và thông báo cho người gửi hàng, chi phí phát sinh do việc cất giữ hàng hóa trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng theo quy định tại Điều 140 Luật HKDD Việt Nam.

- IT không quy định việc thanh lý hàng hóa³⁹⁸ theo quy định tại Điều 142 Luật HKDD Việt Nam.

2.1.10. 7C

- 7C không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Thông báo tin tức hàng không Đà Nẵng - ARO/AIS Đà Nẵng, Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- 7C³⁹⁹ không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-MWX, DAD-PUS, DAD-TAE, DAD-ICN theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, 7C⁴⁰⁰ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

- 7C không bố trí đủ số lượng quầy dành cho khách hạng phổ thông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- 7C⁴⁰¹ thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại đối với chuyến bay chậm kéo dài không đúng mức bồi thường⁴⁰² theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT⁴⁰³.

³⁹⁷ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

³⁹⁸ 1. Hàng hóa được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hóa mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.

2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

³⁹⁹ Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 17/6/2026.

⁴⁰⁰ Văn bản số 3436/CHK-VTHK ngày 17/6/2026.

⁴⁰¹ Chuyến bay 7C2218 ngày 28/5/2025 chậm kéo dài.

⁴⁰² Quy định tại Điều 8 của Thông tư 14/2015/TT-BGTVT.

⁴⁰³ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

2.1.11. RF

- RF⁴⁰⁴ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ⁴⁰⁵ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- RF không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- RF thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay⁴⁰⁶ không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.1.12. YP

- YP⁴⁰⁷ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ⁴⁰⁸ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- YP không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Thông báo tin tức hàng không Đà Nẵng - ARO/AIS Đà Nẵng, Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- YP không thông báo hoạt động về Cục HKVN theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT⁴⁰⁹.

- YP⁴¹⁰ công bố thời gian đóng quầy không đúng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư 36/2014/TT-BGTVT⁴¹¹.

- YP⁴¹² không cung cấp thông tin cho Cảng vụ HKMT về tình trạng chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT⁴¹³.

- YP⁴¹⁴ quy định mức bồi thường ứng trước không hoàn lại không đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT⁴¹⁵.

⁴⁰⁴ 05 chuyến bay: RF532 ngày 03/6/2026; RF532 ngày 06/6/2026; RF532 ngày 17/6/2026; RF532 ngày 13/6/2026; RF532 ngày 20/6/2026.

⁴⁰⁵ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

⁴⁰⁶ Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

⁴⁰⁷ 05 chuyến bay: YP622 ngày 16/5/2026, : YP622 ngày 17/5/2026, : YP622 ngày 21/5/2026, : YP622 ngày 28/5/2026, : YP622 ngày 31/5/2026.

⁴⁰⁸ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

⁴⁰⁹ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung, Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không và Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc báo cáo hoạt động và báo cáo số liệu trong ngành hàng không dân dụng Việt Nam, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2020.

⁴¹⁰ Quy định thời gian đóng quầy đối với các chuyến bay quốc tế là 1 giờ trước giờ khởi hành trên trang điện tử.

⁴¹¹ Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

⁴¹² Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025.

⁴¹³ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 10 Điều 1 Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT.

⁴¹⁴ Mục 12.4.3 Chương 12 Tài liệu APSM: quy định mức bồi thường bằng 20%/ giá vé chặng bay.

⁴¹⁵ Thấp hơn mức quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT.

- Bản thứ nhất vận đơn hàng không của các hãng hàng không YP⁴¹⁶ không có chữ ký của người gửi hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.
- Bản thứ ba vận đơn hàng không của YP⁴¹⁷ không có chữ ký của người vận chuyển theo quy định tại khoản 1 Điều 131 Luật HKDD Việt Nam.
- YP không thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với 05 lô hàng hóa⁴¹⁸ theo quy định tại mục 3.3 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.
- YP không quy định người vận chuyển có nghĩa vụ cất giữ hàng hóa và thông báo cho người gửi hàng, chi phí phát sinh do việc cất giữ hàng hóa trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng theo quy định tại Điều 140 Luật HKDD Việt Nam.
- YP không quy định việc thanh lý hàng hóa⁴¹⁹ theo quy định tại Điều 142 Luật HKDD Việt Nam.

2.1.13. HX

- HX⁴²⁰ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ⁴²¹ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.
- HX không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm Kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.
- HX không báo cáo Cục HKVN, Cảng vụ HKMT vụ việc tàu bay va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi theo quy định về báo cáo an toàn hàng không theo quy định tại khoản 4 Điều 79 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

⁴¹⁶ Vận đơn hàng không số: 350-40022905, 350-40530442, 350-40023023, 350-40530416, 350-40530571.

⁴¹⁷ Các vận đơn hàng không số: 350-40022905, 350-40530442, 350-40023023, 350-40530416, 350-40530571.

⁴¹⁸ Lô hàng có vận đơn:

+ 350-36130920 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 23 LT ngày 28/3/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 30/3/2026;
 + 350-36131001 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 46 LT ngày 04/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 06/4/2026;
 + 350-36043405 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 44 LT ngày 11/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;
 + 350-36075513 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026;
 + 350-39000942 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026.

⁴¹⁹ 1. Hàng hóa được thanh lý trong trường hợp người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc hàng hóa không thể giao cho người nhận hàng mà người gửi hàng từ chối nhận lại hàng hoặc không trả lời về việc nhận lại hàng trong thời hạn sáu mươi ngày, kể từ ngày người vận chuyển thông báo cho người gửi hàng; hàng hóa mau hỏng có thể được thanh lý trước thời hạn này.

2. Số tiền thu được từ việc thanh lý hàng hóa sau khi đã trừ các chi phí liên quan đến việc vận chuyển, cất giữ và thanh lý hàng hóa phải được trả lại cho người có quyền nhận; nếu hết thời hạn một trăm tám mươi ngày, kể từ ngày thanh lý hàng hóa, mà người có quyền nhận không đến nhận thì số tiền còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước.

⁴²⁰ 05 chuyến bay HX549 ngày 03/4/2026; HX549 ngày 08/5/2026; HX549 ngày 19/5/2026; HX549 ngày 20/4/2026; HX547 ngày 11/4/2026.

⁴²¹ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

- HX không báo cáo Cục HKVN bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay theo quy định tại Điều 81 Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT⁴²².

- HX thông báo các thông tin tại cửa ra tàu bay⁴²³ không có ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

- HX không thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với 05 lô hàng hóa⁴²⁴ theo quy định tại mục 8.7.1 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.

2.1.14. LJ

- LJ⁴²⁵ lưu trữ hồ sơ 05 chuyến bay: Danh sách hành khách các chuyến bay có nội dung chưa đầy đủ⁴²⁶ theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Annex 9, phiên bản 17 năm 2025, ICAO.

- LJ không thực hiện thông báo ngay cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay (Trung tâm Thông báo tin tức hàng không Đà Nẵng - ARO/AIS Đà Nẵng, Trung tâm Khí tượng hàng không Đà Nẵng, Trung tâm kiểm soát tiếp cận tại sân Đà Nẵng - APP/TWR Đà Nẵng) thông tin thay đổi kế hoạch bay, các chuyến bay bị chậm, bị hủy so với kế hoạch bay để phối hợp điều hành hoạt động khai thác cảng hàng không, sân bay theo quy định tại khoản 6 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

- Báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 của LJ không đúng theo mẫu quy định tại Phụ lục VII⁴²⁷ Thông tư 81/2014/TT-GTVT⁴²⁸.

- LJ không được Cục HKVN cấp quyền vận chuyển hàng không thường lệ đi từ Cảng HKQT Đà Nẵng đối với chặng bay DAD-ICN, DAD-PUS theo quy định tại Điều 112, 113, 114, 115 Luật hàng không dân dụng Việt Nam, Chương VI Thông tư 81/2014/TT-BGTVT. Sau khi Đoàn thanh tra chỉ ra tồn tại này, LJ⁴²⁹ đã thực hiện khắc phục và được Cục HKVN cấp lại quyền vận chuyển hàng không theo quy định.

- Thời kỳ báo cáo số liệu vận chuyển hàng không của LJ⁴³⁰ không đúng theo quy định tại khoản 6, Điều 4 Thông tư số 33/2016/TT-BGTVT⁴³¹.

⁴²² Mẫu số 03 (2.2) của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT.

⁴²³ Bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay.

⁴²⁴ Lô hàng có vận đơn:

+ 828-56640754 chuyến bay HX548 ngày 26/02/2026 hạ cánh lúc 1606 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 27/02/2026;

+ 828-56574932 chuyến bay HX548 ngày 20/01/2026 hạ cánh lúc 1630 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 21/01/2026;

+ 828-56717345 chuyến bay HX548 ngày 11/3/2026 hạ cánh lúc 1604 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/3/2026;

+ 828-18759786 chuyến bay HX546 ngày 11/4/2026 hạ cánh lúc 1941 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;

+ 828-18852956 chuyến bay HX546 ngày 10/5/2026 hạ cánh lúc 1947 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 15/5/2026.

⁴²⁵ 05 chuyến bay: LJ082 ngày 03/5/2026, LJ082 ngày 29/5/2026, LJ082 ngày 19/6/2026, LJ082 ngày 25/3/2026, LJ082 ngày 11/3/2026.

⁴²⁶ Thiếu trường thông tin quốc tịch (Nationality) của hành khách.

⁴²⁷ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 28/2023/TT-BGTVT.

⁴²⁸ Điều này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 81/2014/TT-BGTVT.

⁴²⁹ Văn bản số 3215/CHK-VTHK ngày 09/6/2026.

⁴³⁰ Số liệu từ thứ năm tuần trước đến thứ tư tuần này: báo cáo tuần từ 26/3/2026 đến 01/4/2026.

⁴³¹ Được thay thế theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư số 19/2023/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của các Thông tư quy định liên quan đến vận tải hàng không, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

2.1.15. SAGS-DAD

Nhân viên SAGS-DAD không thực hiện đúng quy định thông báo cho người nhận hàng ngay sau khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến đối với: 05 lô hàng hóa của HX⁴³² theo quy định tại mục 8.7.1 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa của HX; 05 lô hàng hóa của YP⁴³³ theo quy định tại mục 3.3 Tài liệu Hướng dẫn khai thác hàng hóa của YP và Điều 136 Luật HKDD Việt Nam.

2.2. Vi phạm

2.2.1. ZE: Không

2.2.2. BX

BX⁴³⁴ không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho đại diện CVHK-CXR theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

2.2.3. RS

RS⁴³⁵ không gửi Quy trình phục vụ hành khách cho Cục HKVN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

2.2.4. ZF: Không

2.2.5. TW: Không

2.2.6. KC: Không

2.2.7. 5J

5J⁴³⁶ không gửi Quy trình phục vụ hành khách cho Cục HKVN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

⁴³² Lô hàng có vận đơn:

+ 828-56640754 chuyến bay HX548 ngày 26/02/2026 hạ cánh lúc 1606 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 27/02/2026;
+ 828-56574932 chuyến bay HX548 ngày 20/01/2026 hạ cánh lúc 1630 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 21/01/2026;
+ 828-56717345 chuyến bay HX548 ngày 11/3/2026 hạ cánh lúc 1604 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/3/2026;
+ 828-18759786 chuyến bay HX546 ngày 11/4/2026 hạ cánh lúc 1941 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;
+ 828-18852956 chuyến bay HX546 ngày 10/5/2026 hạ cánh lúc 1947 LT, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 15/5/2026.

⁴³³ Lô hàng có vận đơn:

+ 350-36130920 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 23 LT ngày 28/3/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 30/3/2026;
+ 350-36131001 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 46 LT ngày 04/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 06/4/2026;
+ 350-36043405 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 44 LT ngày 11/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 13/4/2026;
+ 350-36075513 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026;
+ 350-39000942 chuyến bay YP621 hạ cánh lúc 20 giờ 24 LT ngày 15/4/2026, SAGS thông báo cho người nhận hàng ngày 16/4/2026.

⁴³⁴ Chuyến bay BX781 ngày 22/4/2026.

⁴³⁵ Tài liệu ASOM Rev.10.

⁴³⁶ Tài liệu Airport service manual phiên bản lần thứ 35.



2.2.8. OD: Không

2.2.9. IT: Không

2.2.10. 7C

7C⁴³⁷ không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ HKMT theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.

2.2.11. RF: Không

2.2.12. YP

YP⁴³⁸ không cung cấp thông tin cho Cảng vụ HKMT về nguyên nhân chuyến bay bị chậm chuyến kéo dài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT⁴³⁹.

2.2.13. HX

HX⁴⁴⁰ không thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách khi chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT⁴⁴¹.

2.2.14. LJ: Không

2.2.15. VAECO

- Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyến bay IT586 ngày 18/6/2026⁴⁴² thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 11.1.3.2⁴⁴³ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất (Ground Services Manual) của IT theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

- Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026⁴⁴⁴ thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 4.2.1⁴⁴⁵ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất của IATA (IGOM) phiên bản 14 theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

3. Xác định rõ tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm; nguyên nhân, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm pháp luật (nếu có)

3.1. Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

3.1.1 Nguyên nhân khách quan

- Nhân sự người nước ngoài (trường đại diện) của các hãng hàng không nước ngoài có sự thay đổi theo nhiệm kỳ công tác ảnh hưởng đến công tác điều hành, quản lý và triển khai thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam.

⁴³⁷ Bảng cân bằng trọng tải chuyến bay 7C2211 ngày 30/12/2025 không có chữ ký của người chỉ huy tàu bay theo quy định..

⁴³⁸ Chuyến bay YP622 ngày 26/01/2025.

⁴³⁹ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

⁴⁴⁰ Chuyến bay HX549 ngày 15 /02/2025.

⁴⁴¹ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

⁴⁴² Nhân viên thuộc Công ty VAECO.

⁴⁴³ 'ALL CLEAR' Before Approaching An Aircraft.

⁴⁴⁴ Nhân viên thuộc Công ty VAECO.

⁴⁴⁵ Mục 4.2.1 Wheel chock placement quy định: Một nhân viên được chỉ định phải tiến hành chèn bánh càng mũi (nếu loại tàu bay cho phép). Đây là hành động đầu tiên được thực hiện quanh tàu bay sau khi tàu bay dừng và phải hoàn thành trước các hoạt động phục vụ khác.

- Một số hãng hàng không không có văn phòng làm việc tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh; số lượng nhân viên một số hãng hàng không nước ngoài tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào lĩnh vực phục vụ hành khách, thiếu nhân viên chuyên trách về lĩnh vực khai thác tàu bay, vận chuyển hàng hóa.

- Hạ tầng nhà ga quốc tế Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh không đảm bảo phân bổ đủ số quầy làm thủ tục cho các hãng hàng không vào giờ cao điểm, dẫn đến một số hãng hàng không bị động, không bố trí đủ số quầy làm thủ tục theo quy định.

3.1.2. Nguyên nhân chủ quan

- Các hãng hàng không nước ngoài tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh chưa thực hiện hết trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật hàng không dân dụng.

- Một số hãng hàng không không có bộ phận chuyên trách phục vụ hàng hóa; chưa quan tâm đến việc phân công nhân viên phụ trách lĩnh vực khai thác tàu bay, vận chuyển hàng hóa.

- Phòng VTHK chưa thực hiện hết trách nhiệm trong công tác tham mưu về cấp quyền vận chuyển hàng không; Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR chưa thực hiện hết trách nhiệm trong công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn khai thác, vận chuyển hàng không của các hãng hàng không nước ngoài hoạt động tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh đặc biệt là trách nhiệm giám sát trực tiếp tất cả các trường hợp chuyến bay bị chậm, gián đoạn, hủy chuyến nhằm kịp thời yêu cầu các hãng hàng không, các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.

3.2. Trách nhiệm của các hãng hàng không nước ngoài

Người đứng đầu văn phòng bán vé/đại diện chịu trách nhiệm người đứng đầu các hãng hàng không nước ngoài; lãnh đạo các đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất (đại diện cho các hãng hàng không) VIAGS⁴⁴⁶, DHT⁴⁴⁷, Tân Sen⁴⁴⁸ chịu trách nhiệm trong việc đề xảy ra các tồn tại, hạn chế, vi phạm như đã nêu tại phần II, mục 2 phần III của Kết luận này.

Các nhân viên của các hãng hàng không nước ngoài chịu trách nhiệm trong việc đề xảy ra các tồn tại hạn chế, vi phạm trong phạm vi trách nhiệm của mình như đã nêu tại phần II, mục 2 phần III của Kết luận này.

3.3. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị thuộc Cục HKVN

3.3.1. Phòng VTHK

Trách nhiệm của lãnh đạo, chuyên viên trong việc:

- Theo dõi báo cáo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé năm 2025 của OD, LJ; theo dõi thông báo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của YP theo quy định.

- Tham mưu công bố độ dài đường bay đối với đường bay Nha Trang – Bu San (CXR-PUS) theo quy định.

3.3.2. Cảng vụ HKMT, đại diện CVHK-CXR

Trách nhiệm của lãnh đạo, nhân viên trong việc kiểm tra, giám sát, theo dõi:

⁴⁴⁶ Đại diện cho hãng hàng không 5J, IT.

⁴⁴⁷ Đại diện cho hãng hàng không KC.

⁴⁴⁸ Đại diện cho hãng hàng không ZF.



- Thực hiện nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay của BX, 7C không đúng quy định; báo cáo an toàn hàng không liên quan đến vụ việc tàu bay của 5J va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi theo quy định.

- Thực hiện các quy định về công bố thời gian đóng quầy của YP.

- Thực hiện các quy định về Dịch vụ phục vụ hành khách của chuyến bay bị chậm, gián đoạn, hủy chuyến của YP.

- Thực hiện các quy định về Nghĩa vụ của người vận chuyển của BX, IT, HX, YP, 7C.

- Báo cáo số liệu vận chuyển hàng không của OD, LJ.

3.4. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan

3.4.1. Trách nhiệm của VAECO

Nhân viên được giao nhiệm vụ thông thoại với tàu bay trong phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ được giao dẫn đến việc thực hiện không đúng quy trình tiếp cận tàu bay.

3.4.2. Trách nhiệm của SAGS-DAD

Nhân viên được giao nhiệm vụ thông báo cho người nhận hàng khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến trong phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ được giao dẫn đến việc thực hiện không đúng quy trình trả hàng hóa.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Trong quá trình thanh tra trực tiếp tại các hãng hàng không nước ngoài tại Cảng HKQT Đà Nẵng, Cam Ranh, khi phát hiện các tồn tại, hạn chế, Đoàn thanh tra đã yêu cầu các đơn vị khẩn trương có các biện pháp khắc phục ngay các tồn tại, hạn chế. Một số đơn vị đã xây dựng kế hoạch và thực hiện khắc phục những tồn tại, hạn chế. Đến thời điểm hiện tại, một số tồn tại, hạn chế đã từng bước được khắc phục.

V. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

1. Trên cơ sở kết luận thanh tra nêu trên, Chánh Thanh tra HKVN kiến nghị Cục trưởng Cục HKVN chỉ đạo Phòng VTHK, Cảng vụ HKMT thực hiện những công việc sau:

1.1. Phòng VTHK

Kiểm điểm rút kinh nghiệm lãnh đạo, chuyên viên chịu trách nhiệm trong việc tham mưu công bố độ dài đường bay; theo dõi Báo cáo hoạt động và thông báo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài.

1.2. Cảng vụ HKMT

- Kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với lãnh đạo, nhân viên chịu trách nhiệm trong việc thực hiện trách nhiệm kiểm tra, giám sát, theo dõi báo cáo.

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn đến các hãng hàng không nước ngoài về các quy định của pháp luật HKDD Việt Nam, việc thực hiện nghĩa vụ báo cáo việc bồi thường ứng trước không hoàn lại đối với hành khách bị từ chối vận chuyển, chuyến bay bị hủy, chuyến bay bị chậm kéo dài.

2. Chánh Thanh tra HKVN yêu cầu:

2.1. Các Hãng không nước ngoài là đối tượng thanh tra:

- Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm việc để xảy ra những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu tại phần II, phần III Kết luận này và quán triệt đến các bộ phận, cá nhân.
- Triển khai khắc phục ngay những tồn tại, hạn chế, vi phạm nêu tại Phần II, Phần III của Kết luận này;
- Rà soát, sửa đổi các tài liệu, thực hiện thủ tục hành chính (nếu có), trình Cục HKVN chấp thuận, phê duyệt theo quy định.

2.2. VAECO

- Chấn chỉnh công tác cung cấp dịch vụ thông thạo với tàu bay theo đúng các quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn của Cục HKVN, đảm bảo an toàn khai thác tàu bay.
- Chỉ đạo nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thạo với tàu bay thực hiện đúng quy trình, quy định trong việc cung cấp dịch vụ.

2.3. SAGS-DAD

- Chấn chỉnh công tác cung cấp dịch vụ phục vụ hàng hóa theo đúng các quy định của pháp luật và các văn bản chỉ đạo điều hành, hướng dẫn của Cục HKVN.
- Chỉ đạo nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông báo cho người nhận hàng khi hàng hóa được vận chuyển đến địa điểm đến thực hiện đúng quy trình, quy định trả hàng hóa.

2.4. Thanh tra HKVN

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với các hãng hàng không:
 - + BX⁴⁴⁹, 7C⁴⁵⁰ đối với hành vi: “Không nộp hoặc nộp không đủ bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ hàng không theo quy định” quy định tại điểm d khoản 3 Điều 8 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP.
 - + RS⁴⁵¹, 5J⁴⁵² đối với hành vi: “Không gửi quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP.
 - + YP⁴⁵³ đối với hành vi: “Không cung cấp thông tin về nguyên nhân hủy chuyến bay, chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định” quy định tại điểm 1 khoản 3 Điều 24 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP được bổ sung theo quy định tại khoản 14 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.
 - + HX⁴⁵⁴ đối với hành vi: “Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ theo quy định trong trường hợp vận chuyển bị gián đoạn, bị chậm, chuyến bay bị hủy, khởi hành sớm, hành khách bị từ chối vận chuyển” quy định tại điểm c khoản 4 Điều 24 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP.

⁴⁴⁹ Chuyến bay BX781 ngày 22/4/2026.

⁴⁵⁰ Chuyến bay 7C2211 ngày 30/12/2025.

⁴⁵¹ Tài liệu ASOM Rev.10.

⁴⁵² Tài liệu Airport service manual phiên bản lần thứ 35.

⁴⁵³ Chuyến bay YP622 ngày 26/1/2025.

⁴⁵⁴ Chuyến bay HX549 ngày 15/02/2025.

- Xử phạt vi phạm hành chính đối với các cá nhân:
- + Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyển bay của VAECO⁴⁵⁶:
“Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.
- + Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyển bay của VAECO⁴⁵⁷:
“Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.

VI. NHỮNG HẠN CHẾ, VƯỚNG MẮC, BẤT CẬP CỦA CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC: Không.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các hãng hàng không nước ngoài⁴⁵⁸ tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản về Thanh tra HKVN trước ngày 31/10/2026, đồng thời gửi file điện tử về địa chỉ tthk@caa.gov.vn.
2. Phòng VTHK, Cảng vụ HKMT thực hiện yêu cầu nêu trong Kết luận này; tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản gửi về Thanh tra HKVN trước ngày 31/10/2026 đồng thời gửi file điện tử về địa chỉ tthk@caa.gov.vn. Riêng nội dung liên quan đến kiểm điểm trách nhiệm để xảy ra các tồn tại nêu trong Kết luận, thực hiện hoàn thành trước ngày 15/10/2026.
3. VAECO, SAGS-DAD tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra, báo cáo kết quả thực hiện bằng văn bản về Thanh tra HKVN trước ngày 31/10/2026, đồng thời gửi file điện tử về địa chỉ tthk@caa.gov.vn.
4. Việc thực hiện Kết luận thanh tra và xin ý kiến chỉ đạo, xử lý sau thanh tra của cấp có thẩm quyền được thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (để báo cáo);
- Cục trưởng (để báo cáo);
- Các Phó Cục trưởng (để báo cáo);
- Phòng VTHK (để thực hiện);
- Văn phòng Cục (công khai trên trang thông tin điện tử);
- Cảng vụ HKMT (để thực hiện);
- Các hãng hàng không nước ngoài⁴⁵⁹ (để thực hiện);
- VAECO, SAGS-DAD (để thực hiện);
- Lưu: TTHK, HSDTT (26 bản).



Đinh Văn Cung

⁴⁵⁶ Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyển bay IT586 ngày 18/6/2026 thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 11.1.3.2 Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất (Ground Services Manual) của IT.

⁴⁵⁷ Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông thoại với tổ lái chuyển bay HX549 ngày 26/6/2026 thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 4.2.1⁴⁵⁷ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất của IATA (IGOM) phiên bản 14 theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

⁴⁵⁸ Các hãng hàng không nước ngoài: OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW.

⁴⁵⁹ Các hãng hàng không nước ngoài: OD, HX, RF, YP, 5J, IT, LJ, 7C, RS, ZE, ZF, BX, KC, TW.

PHỤ LỤC

(Kèm theo Kết luận thanh tra số 179/KL-TTHK ngày 15 tháng 9 năm 2026 của Chánh Thanh tra HKVN)

I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KINH TẾ

STT	Cơ quan/tổ chức/Đơn vị/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Tổng giá trị vi phạm		Kiến nghị xử lý								Ghi chú
			Tiền hoặc tài sản quy thành tiền (Tr.đ)	Đất (m2)	Kiến nghị thu hồi				Xuất toán	Giảm trừ quyết toán	Xử lý khác		
					Về ngân sách nhà nước		Về cơ quan, tổ chức, đơn vị (không phải NSNN)						
					Tiền (Tr.đ)	Nhà, đất (m ²)	Tiền (Tr.đ)	Đất (m ²)					
1	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1													
2													
...													
Tổng cộng													

- Cột 2: Ghi tên cơ quan, tổ chức, đơn vị vi phạm; nếu là cá nhân thì ghi họ tên, chức vụ, cơ quan làm việc.
- Cột 3: Ghi từng nội dung vi phạm (nên ghi theo thứ tự nêu trong phần nội dung kết luận); nếu nội dung quá dài thì ghi khái quát/tóm tắt vi phạm chính.
- Cột 4: Ghi tiền đồng Việt Nam và/ hoặc ngoại tệ.
- Cột 12, 13: Ghi các kiến nghị khác còn lại (ngoài các kiến nghị đã ghi tại cột 6-11).
- Cột 12, 13: Ghi các kiến nghị khác còn lại (ngoài các kiến nghị đã ghi tại cột 6-11).



II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	2	3	4	5	6	7
I	TỔ CHỨC					
1	BX	Không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho đại diện CVHK-CXR theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.	x			
2	RS	Không gửi Quy trình phục vụ hành khách cho Cục HKVN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.	x			
3	5J	Không gửi Quy trình phục vụ hành khách cho Cục HKVN theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT.	x			
4	7C	Không thực hiện việc nộp bản cân bằng trọng tải của mỗi chuyến bay cho Cảng vụ HKMT theo quy định tại khoản 7 Điều 58 Nghị định số 05/2021/NĐ-CP.	x			
5	YP	Không cung cấp thông tin cho Cảng vụ HKMT về nguyên nhân chuyến bay bị chậm chuyển kéo dài theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ⁴⁵⁹ .	x			
6	HX	Không thực hiện bồi thường ứng trước không hoàn lại cho hành khách khi chuyến bay bị chậm kéo dài theo	x			

⁴⁵⁹ Được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

		quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ⁴⁶⁰ .				
II	CÁ NHÂN					
1	Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông tin thoại với tổ lái chuyến bay của VAECO ⁴⁶¹	Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.	x			
2	Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông tin thoại với tổ lái chuyến bay của VAECO ⁴⁶²	Thực hiện nhiệm vụ không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc quy định tại điểm b khoản 2 Điều 16 Nghị định số 162/2018/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 3 Nghị định số 123/2021/NĐ-CP.	x			

- Cột 2: Cá nhân vi phạm ghi cả họ và tên, chức vụ, cơ quan, đơn vị làm việc vào mục I; tổ chức vi phạm ghi tên vào mục II.
- Cột 3: Ghi từng nội dung vi phạm (nên ghi theo thứ tự nêu trong phần nội dung kết luận); nếu nội dung quá dài thì ghi khái quát/tóm tắt vi phạm chính.
- Kiến nghị xử lý trách nhiệm: Kiến nghị xử lý hành chính thì ghi "X" vào cột 4; nếu chuyển cơ quan công an thì ghi tên cơ quan công an tiếp nhận vào cột 5 (ví dụ: Cơ quan cảnh sát điều tra Bộ Công an); nếu chuyển cơ quan khác thì ghi tên cơ quan tiếp nhận (ví dụ: Ủy ban Kiểm tra Trung ương).

⁴⁶⁰ Phụ lục này được thay thế theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 21/2020/TT-BGTVT.

⁴⁶¹ Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông tin thoại với tổ lái chuyến bay HX549 ngày 26/6/2026 thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 4.2.1⁴⁶¹ Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất của IATA (IGOM) phiên bản 14 theo quy định tại Điều 22 Thông tư 29/2021/TT-BGTVT.

⁴⁶² Nhân viên thực hiện nhiệm vụ thông tin thoại với tổ lái chuyến bay IT586 ngày 18/6/2026 thực hiện tiếp cận tàu bay (vào khu vực vị trí đỗ an toàn của tàu bay) khi việc chèn bánh tàu bay chưa được thực hiện theo quy định tại mục 11.1.3.2 Tài liệu Hướng dẫn khai thác mặt đất (Ground Services Manual) của IT.



III. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ HOÀN THIỆN CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT

STT	Nội dung kiến nghị	Thông tin về Văn bản kiến nghị hoàn thiện			Ghi chú
		Số văn bản	ngày, tháng, năm ban hành	Cơ quan ban hành	
1	2	3	4	5	6
I	KIẾN NGHỊ BẮT BỎ: Không				
1					
2					
II	KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG: Không				
1					
2					
3					
4					
III	KIẾN NGHỊ BAN HÀNH MỚI: Không				
1					
2					

- Cột 2: Ghi rõ nội dung (một phần hoặc toàn bộ văn bản) kiến nghị sửa đổi/ bổ sung/ bãi bỏ.

- Cột 6: Ghi tiến độ, kết quả đã thực hiện kiến nghị (ví dụ: đã bãi bỏ văn bản số ... ngày ...; hoặc đã ban hành văn bản số ngày sửa đổi/ bổ sung văn bản số ... ngày ...).

- Mục III (Kiến nghị ban hành mới): Ghi nội dung kiến nghị cần ban hành mới văn bản; không ghi thông tin tại các cột 3,4,5. (ví dụ: Kiến nghị ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ).

IV. TỔNG HỢP CÁC KIẾN NGHỊ KHÁC: Không.